

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ BÌNH SƠN**

Số: 10 /TB-HĐQT-BSPPT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/5/2024;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn trân trọng thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025(Đại hội) như sau:

1. Thời gian - Địa điểm

- **Thời gian:** Khai mạc lúc **8 giờ 30 phút** ngày **24 tháng 4 năm 2025**;

- **Địa điểm:** Hội trường Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (Km9+100 đường Võ Văn Kiệt, Khu Kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi).

2. Chương trình Đại hội: Như chi tiết đính kèm

3. Nội dung Đại hội:

- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và Kế hoạch năm 2025;

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024;

- Tờ trình xin phê duyệt tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2024 và kế hoạch chi năm 2025;

- Tờ trình xin phê duyệt Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2024 và kế hoạch năm 2025;

- Tờ trình xin thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;

- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024;

- Tờ trình xin phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm 2025 của Công ty;

- Tờ trình về việc kiện toàn Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Tờ trình xin thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

- Tờ trình xin thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh;

- Tờ trình xin chấp thuận ký kết hợp đồng với người có liên quan;

- Nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

3. Thành phần dự Đại hội

- Đại biểu mời (có Giấy mời riêng);

- Tất cả cổ đông có tên trong danh sách chốt đến ngày 17/4/2025;

- Thành viên: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Giám đốc; Phó Giám đốc; Kế toán trưởng; Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty.

4. Các yêu cầu khác

- Tài liệu Đại hội:

Quý Cổ đông vui lòng tải tài liệu Đại hội trên website: www.bsptt.com.vn tại Mục NHÀ ĐẦU TƯ/ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

- Đăng ký dự Đại hội:

Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý Cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội (*Giấy ủy quyền theo mẫu đính kèm*) và ý kiến về những nội dung liên quan đến Đại hội (trừ nội dung ứng cử/đề cử HĐQT và BKS), gửi về Công ty trước **ngày 22/4/2025** theo địa chỉ:

Thư ký Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn

Địa chỉ: Km9+100 đường Võ Văn Kiệt, Khu Kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi - Email: huylx@bsppt.com.vn

- Các cổ đông có ý kiến phát biểu đăng ký trước với Thư ký Công ty và chỉ được phát biểu khi có sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội hoặc có thể gửi ý kiến bằng văn bản trước khi biểu quyết nội dung liên quan.

- Cổ đông hoặc đại diện cổ đông có mặt trước giờ khai mạc 30 phút để hoàn thiện thủ tục tham dự Đại hội.

Trân trọng thông báo và kính mời!

Nơi nhận:

- Như thành phần;

- Lưu VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Mai Tuấn Đạt

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN

Thời gian: Khai mạc lúc 8h30 ngày 24/4/2025;

Địa điểm: Hội trường Công ty.

STT	Thời gian	NỘI DUNG	Ghi chú
I	Khai mạc Đại hội		
1.	8h30 - 8h40	Chào cờ, Tuyên bố lý do, Giới thiệu đại biểu	
2.	8h40 - 8h45	Báo cáo kiểm tra tư cách đại diện cổ đông	
3.	8h45 - 8h50	Giới thiệu Đoàn Chủ tọa và Thư ký Đại hội	
II	Nội dung Đại hội		
1.	8h50 - 9h00	Thông qua Chương trình và Quy chế Đại hội	
2.	9h00 - 9h15	Trình bày Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2024, Kế hoạch 2025	
3.	9h10 - 9h25	Trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị	
4.	9h25 - 9h35	Tờ trình của HĐQT xin phê duyệt về tiền lương, thù lao của người quản lý Tờ trình xin phê duyệt Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế	
5.	9h35 - 9h40	Trình bày ý kiến độc lập của đơn vị kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Tờ trình phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán	
6.	9h40 - 9h50	Trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát Tờ trình xin phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025	
7.	9h45 - 10h05	Phát biểu của đại diện Lãnh đạo BSR và cổ đông/đại diện cổ đông - Đại hội thảo luận	
8.	10h05 - 10h15	Thông qua Tờ trình về việc kiện toàn Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	
9.	10h15 - 10h25	Thông qua danh sách ứng cử, đề cử giới thiệu nhân sự bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	
10.	10h25 - 10h35	Thông qua danh sách Ban bầu cử	

11.	10h35 - 10h45	Thông qua Thẻ lệ bầu cử	
	10h45 - 10h55	Tiến hành bầu cử	
12.	10h55 - 11h05	Ban bầu cử kiểm phiếu	
13.	11h05 - 11h15	Tờ trình xin thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Tờ trình xin thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh; Tờ trình xin chấp thuận ký kết hợp đồng với người có liên quan.	
14.	11h15 - 11h25	Thông qua kết quả bầu cử Tặng hoa và quà lưu niệm cho thành viên thôi tham gia Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có)	
III	Tổng kết Đại hội		
1.	11h25 - 11h35	Trình bày dự thảo và biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội	
2.	11h35 - 11h45	Bế mạc Đại hội	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN

Kính gửi: Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn.

Hôm nay, ngày...../...../2025,

Tôi tên là:

Số CCCD: Ngày cấp:

Địa chỉ:

Là cổ đông đang sở hữu: (bằng chữ:

.....) cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (Công ty).

Nay, tôi làm giấy này ủy quyền cho:

Ông/Bà:

Số CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ:

Làm người đại diện của tôi, thay mặt tôi:

- Dự họp và biểu quyết: ☐

- Biểu quyết: ☐

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty vào ngày 24/04/2025 và tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) khác (nếu có) từ ngày ủy quyền đến trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty với số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần ủy quyền là cổ phần.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Người nhận ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ BÌNH SƠN**

Số: 11 /TB-HĐQT-BSPPT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc ứng cử/đề cử nhân sự vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/5/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD của Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 28/4/2021.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn trân trọng thông báo:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát hết nhiệm kỳ:

1.1. Hội đồng quản trị:

Bà Hà Thị Hoa

Ông Lê Xuân Sơn

Ông Trần Xuân Thu

1.2. Ban kiểm soát:

Ông Phan Bá Công

Bà Phạm Thanh Thảo

Bà Đỗ Thị Phương Thúy

2. Số lượng nhân sự bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại Đại hội:

2.1 Bầu bổ sung 03 thành viên HĐQT;

2.2 Bầu 03 thành viên Ban kiểm soát.

3. Kính đề nghị cổ đông/nhóm cổ đông thực hiện quyền ứng cử/đề cử nhân sự vào HĐQT, Ban kiểm soát:

3.1. Quyền ứng cử/đề cử nhân sự vào HĐQT, Ban kiểm soát; các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

3.2. Hướng dẫn và gửi hồ sơ ứng cử/đề cử nhân sự vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Hồ sơ bao gồm:

- Công văn đề cử, Thư ứng cử (theo mẫu);
- Biên bản về việc lập nhóm cổ đông (theo mẫu) có chỉ định người thay mặt nhóm cổ đông làm Thư ứng cử viên;
- Bản cung cấp thông tin (theo mẫu).

Đề nghị các cổ đông, nhóm cổ đông có đủ điều kiện theo quy định gửi hồ sơ ứng cử/đề cử/giới thiệu về Công ty theo địa chỉ:

Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn

Địa chỉ: Km9+100 đường Võ Văn Kiệt, Khu Kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi.

Email: huylx@bsppt.com.vn

Thời hạn: Trước 15 giờ 00 ngày 11/4/2025

Các hồ sơ được gửi đến Công ty sau thời hạn nêu trên là không hợp lệ và không được xem xét. Sau thời hạn này, nếu tổng số ứng cử viên được giới thiệu (sau khi trừ các ứng viên không đủ tiêu chuẩn) không đủ số lượng thành viên HĐQT, thành viên BKS theo Thông báo này thì HĐQT đương nhiệm sẽ đề cử bổ sung cho đủ số lượng. Các trường hợp đề cử hoặc tự ứng cử tại Đại hội cũng không được xem xét.

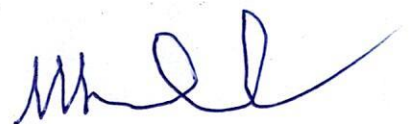
Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Mai Tuấn Đạt

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ ỨNG CỬ
VỊ TRÍ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty BSPPT

Tôi tên:

Địa chỉ:

CCCD/Hộ chiếu số:

Điện thoại: Fax: Email:

Hiện đang giữ chức danh của Công ty (nếu có).

Số cổ phần sở hữu hoặc/và đại diện: cổ phần phổ thông
tương ứng tỷ lệ:% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi xem xét các điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, tôi làm thư này đề nghị được ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát của Công ty.

Tôi cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Trân trọng!

Ngày tháng năm

ỨNG CỬ VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN VỀ VIỆC LẬP NHÓM CỔ ĐÔNG
(Mẫu)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty BSPPT

Chúng tôi bao gồm:

1. Cổ đông thứ nhất:

Tên (tổ chức/cá nhân):

Địa chỉ:

GĐKKD/CCCD số:

Người đại diện (tổ chức):

Điện thoại: Fax: Email:

Số cổ phần sở hữu trong Công ty: cổ phần phổ thông

Tương ứng tỷ lệ: % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2. Cổ đông thứ hai:

Tên (tổ chức/cá nhân):

Địa chỉ:

GĐKKD/CCCD số:

Người đại diện (tổ chức):

Điện thoại: Fax: Email:

Số cổ phần sở hữu trong Công ty: cổ phần phổ thông

Tương ứng tỷ lệ: % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

(Kê khai thông tin tương tự từ cổ đông thứ ba trở đi)

Chúng tôi xin thông báo về việc lập nhóm cổ đông bao gồm toàn bộ các cổ đông nêu trên với tổng số cổ phần sở hữu trong Công ty là cổ phần phổ thông, tương ứng tỷ lệ % trên tổng số cổ phần được quyền biểu quyết của Công ty để thực hiện các quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chúng tôi thống nhất cử Ông/Bà

CCCD/Hộ chiếu số:

Điện thoại: Fax: Email:

Hiện đang giữ chức danh của Công ty (nếu có).

Làm người đại diện cho nhóm cổ đông chúng tôi lập Thư ứng cử làm ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát của Công ty. Thư ứng cử viên do Ông/Bà ký thay mặt cho nhóm cổ đông chúng tôi sẽ có giá trị như được ký bởi toàn bộ thành viên của nhóm cổ đông chúng tôi.

Tất cả cổ đông là thành viên của nhóm thống nhất nội dung Biên bản và đồng ký tên dưới đây.

Ngày tháng năm

CỔ ĐÔNG THỨ NHẤT
(ký và ghi rõ họ tên)

CỔ ĐÔNG THỨ HAI
(ký và ghi rõ họ tên)

CỔ ĐÔNG THỨ BA
(ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ BÌNH SƠN
BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐCĐ
THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2025

QUY CHẾ LÀM VIỆC
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
của Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định chung

Quy chế này quy định quyền, nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông; trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia Đại hội đồng cổ đông; cách thức thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (sau đây gọi tắt là “Đại hội”) nhằm đảm bảo Đại hội đạt kết quả.

Điều 2. Mục đích

Quy chế này nhằm mục đích đảm bảo cho Đại hội được tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty; đảm bảo cho các cổ đông thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Đại hội; Đảm bảo cho Đại hội hoàn thành chương trình Nghị sự đã đề ra.

Điều 3. Chương trình họp Đại hội

Chương trình họp của Đại hội được gửi trước cho các cổ đông kèm theo Thông báo mời họp.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội. Kiến nghị phải ghi rõ: tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, mã số cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Hội đồng quản trị chấp nhận và đưa các kiến nghị này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung hoặc vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Chương trình và nội dung Đại hội được thông qua ngay trong phiên khai mạc Đại hội.

Điều 4. Nghĩa vụ của Cổ đông tại Đại hội

Cổ đông khi tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau đây

Mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự;

Xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, Thông báo mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón;

Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp;

Không hút thuốc lá, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong phòng họp;

Giao tiếp hòa nhã, thân thiện; không được bỏ về giữa giờ khi chưa có sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội;

Phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định và tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức;

Tuyệt đối tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa, chỉ được phát biểu khi có sự đồng ý của Chủ tọa.

Chương II **TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**

Điều 5. Các vấn đề được Đại hội thông qua

Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn thảo luận và thông qua các vấn đề đã có trong Chương trình Đại hội.

Điều 6. Đoàn Chủ tịch

Điều hành Đại hội là Đoàn Chủ tịch, gồm có Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa và các thành viên do Ban Tổ chức giới thiệu và thông qua tại Đại hội tại phiên khai mạc. Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Đoàn Chủ tịch có trách nhiệm:

Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các qui chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua.

Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

Có quyền hoãn Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp có người tham dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 7. Thư ký Đại hội

Giúp việc cho Đoàn Chủ tịch và Đại hội là Thư ký Đại hội. Thư ký Đại hội có 02 người; trong đó Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty là Thư ký

Đại hội và 01 người do BTC Đại hội giới thiệu và thông qua tại Đại hội tại phiên khai mạc.

Thư ký có nhiệm vụ:

Ghi chép đầy đủ và trung thực các nội dung của Đại hội.

Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố các văn kiện, kết luận hoặc thông báo gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

Thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu biểu quyết Đại hội trừ trường hợp kiểm phiếu bầu cử HĐQT, BKS.

Chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình; ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của các cổ đông; soạn thảo biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 03 người do Ban tổ chức Đại hội đề xuất, Hội đồng quản trị quyết định; Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm:

Kiểm tra tư cách của cổ đông dự họp;

Phát phiếu biểu quyết cho Cổ đông trong danh sách dự họp trước giờ khai mạc;

Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 9. Ban Bầu cử và kiểm phiếu

Ban Bầu cử và kiểm phiếu trong trường hợp Đại hội có tổ chức bầu cử HĐQT, BKS do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu có trách nhiệm:

Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết và bầu cử tại Đại hội;

Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết và bầu cử;

Tổ chức kiểm phiếu biểu quyết; phát phiếu, thu phiếu và kiểm phiếu bầu cử HĐQT, BKS;

Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết và bầu cử của các cổ đông, đại diện cổ đông;

Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội và kết quả bầu cử HĐQT, BKS. Công bố kết quả biểu quyết và kết quả bầu cử;

Giao kết quả kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử cho Đoàn Chủ tịch hoặc Thư ký Đại hội.

Điều 10. Các quyền của Cổ đông

Cổ đông Công ty có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền bằng Giấy ủy quyền (theo mẫu do Ban tổ chức Đại hội quy định) cho người đại diện tham dự và phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội. Cổ đông cá nhân chỉ ủy quyền cho 01 người đại diện, cổ đông pháp nhân có quyền cử nhiều hơn 01 người đại diện. Mỗi cổ đông hoặc đại diện cho các cổ đông khi đến tham dự Đại hội cần phải mang theo giấy tờ tùy thân gồm: CMND (căn cước công dân hoặc hộ chiếu), Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền tham dự Đại hội (bản chính) nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và sẽ được nhận Phiếu biểu quyết và tham gia biểu quyết.

Cổ đông, đại diện cổ đông tới dự Đại hội muộn, được đăng ký và sau đó có quyền biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

Cổ đông được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai thông tin về Chương trình Đại hội đồng cổ đông, được phát tài liệu liên quan đến nội dung Đại hội và có trách nhiệm:

Tuân thủ Quy chế làm việc của Đại hội;

Phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức;

Thảo luận các nội dung báo cáo;

Biểu quyết các vấn đề tại Đại hội;

Chấp hành sự điều khiển của Đoàn Chủ tịch

Chương III

THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

Khi thảo luận các vấn đề trong chương trình Đại hội, cổ đông cần tuân thủ các quy định sau đây:

Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Đoàn Chủ tịch chấp thuận cho phát biểu.

Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua để đảm bảo đại hội được tiến hành đúng như chương trình nghị sự đã thông qua, nội dung không bị vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

Đoàn Chủ tịch sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp theo tuần tự và chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến trùng lặp với nhau thì Đoàn Chủ tịch sẽ chọn lọc và trả lời chung cho tất cả các

cổ đông. Sau khi không còn ý kiến phát biểu của các cổ đông, Đoàn Chủ tịch sẽ lần lượt trả lời ý kiến của từng cổ đông hoặc chỉ định người có trách nhiệm trong Ban điều hành Công ty trả lời các ý kiến này.

Điều 12. Biểu quyết tại Đại hội

Nguyên tắc biểu quyết :

Trừ việc thống nhất Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Chương trình Đại hội, Quy chế Đại hội; các vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông có tham dự bằng Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu/đại diện.

Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông được cấp 01 Phiếu biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.

Thẻ lệ biểu quyết:

Biểu quyết đối với Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban bầu cử và kiểm phiếu, chương trình Đại hội, các quy chế và Biên bản Đại hội: Các cổ đông hoặc đại diện cổ đông biểu quyết bằng cách giơ phiếu biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến: tán thành, không tán thành).

Biểu quyết các vấn đề trình Đại hội: Các cổ đông hoặc đại diện cổ đông đánh dấu X vào ô thích hợp để biểu quyết từng vấn đề ghi trên phiếu biểu quyết.

Điều 13. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 14. Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội

Các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội và thể chế thành Nghị quyết Đại hội. Biên bản Đại hội/Nghị quyết Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Số: /BC-BSPT

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2025

DỰ THẢO

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024,
KẾ HOẠCH VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 15/5/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, Ban điều hành Công ty đã bám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị, theo sát diễn biến thị trường: Tài chính, giá các nguyên vật liệu đầu vào, đặc biệt là biến động giá hạt nhựa, xăng dầu để thực hiện hiệu quả các giải pháp quản trị, đưa ra các giải pháp về tổ chức sản xuất để tối ưu chi phí vật tư, nhân công, đồng thời liên tục rà soát, tiết giảm các chi phí một cách hợp lý, cùng với sự nỗ lực của tập thể cán bộ người lao động toàn Công ty, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty đạt được như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024

1. Thuận lợi, khó khăn

a) Thuận lợi:

- Tình hình kinh tế-xã hội của đất nước tiếp tục phục hồi và phát triển ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng GDP năm 2024 đạt 7,09% (Nguồn: Tổng cục Thống kê);
- Nhà nước luôn sát cánh cùng doanh nghiệp, tiếp tục có nhiều quyết sách kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp như: giãn, giảm thuế, phí, lệ phí,...
- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao, định hướng kịp thời của Công ty Mẹ (BSR).

b) Khó khăn:

- Nền kinh tế nước ta chịu rủi ro, thách thức từ bên ngoài, đó là: Xung đột địa chính trị tại các nước trên thế giới diễn ra phức tạp khiến giá hàng hóa, giá dầu biến động khó lường...

- Thị trường xuất khẩu tinh bột sắn chính của các doanh nghiệp Việt Nam là Trung Quốc gặp khó khăn, làm giảm sản lượng sản phẩm tinh bột sắn xuất khẩu, dẫn đến nhu cầu bao nông sản giảm;

- Mành PP tráng màng giảm nhu cầu tiêu thụ từ tháng 8/2024 do khách hàng thay đổi công nghệ không còn sử dụng mành này;

- Nhà máy sản xuất bao bì tiềm ẩn nhiều nguy cơ không đảm bảo an toàn nếu không được duy tu bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, dẫn tới chi phí ngày càng tăng.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2024 được trình bày như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ % TH/KH 2024	Tỷ lệ % TH2024/TH2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	733,5	697,0	817,3	117%	111%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	715,5	682,1	796,9	117%	111%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18,0	14,9	20,4	137%	113%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16,7	12,9	18,2	141%	109%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	10,7	12,1	9,6	80%	90%
6	Lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	8,7%	6,8%	9,4%	138%	108%

➤ Đánh giá chung:

Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu như doanh thu, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2024 đều tăng so với kế hoạch năm 2024, cụ thể:

- Lợi nhuận trước thuế, sau thuế năm 2024 vượt lần lượt 37% và 41% so với kế hoạch năm 2024 và lần lượt bằng 113% và 109% so với thực hiện năm 2023.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu thực hiện năm 2024 đạt 9,4%, hoàn thành 138% so với kế hoạch năm 2024 và bằng 108% so cùng kỳ năm 2023 cho thấy hiệu quả sử dụng vốn có tăng trưởng

3. Kết quả thực hiện từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính

3.1. Sản xuất kinh doanh bao bì:

Kết quả sản lượng tiêu thụ sản phẩm bao bì và doanh thu thực hiện năm 2024 được trình bày như sau:

TT	Sản phẩm	Đvt	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ % TH/KH 2024	Tỷ lệ % TH2024/TH2023
I	Sản lượng tiêu thụ						
1	Bao nông sản	Tr. bao	2,26	3,45	2,78	81%	123%
2	Mành PP tráng màng	Tr. mét	19,70	13,30	10,00	75%	51%
3	Bao chứa hạt nhựa	Tr. bao	7,00	5,50	5,70	104%	81%
II	Doanh thu	Tỷ đồng	100,8	87,7	84,5	96%	84%
1	Bao nông sản	Tỷ đồng	15,4	22,1	19,0	86%	124%
2	Mành PP tráng màng	Tỷ đồng	12,6	8,4	6,2	74%	49%
3	Bao chứa hạt nhựa	Tỷ đồng	72,8	57,2	59,3	104%	81%

➤ **Đánh giá chung:**

a) Về sản lượng tiêu thụ:

➤ Đối với dòng Bao nông sản: Sản lượng tiêu thụ đạt 2,78 triệu bao, hoàn thành 81% kế hoạch năm 2024. Nguyên nhân: Sản lượng Fococev giảm do nhu cầu của khách hàng giảm; các bao nông sản khác chưa đáp ứng về chất lượng theo yêu cầu khách hàng (Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi) và do khách hàng ngừng hoạt động sản xuất (Công ty TBS Tiến Phát).

➤ Đối với Mành PP tráng màng (Wanek): Sản lượng tiêu thụ đạt 10 triệu mét, đạt 75% kế hoạch năm 2024. Nguyên nhân do khách hàng thay đổi công nghệ sản phẩm không dùng mành nên đã giảm sản lượng từ tháng 8/2024. Giải pháp thực hiện trong thời gian tới đối với mành Wanek là:

- + Tìm kiếm khách hàng mới, cơ cấu lại nhân sự cho phù hợp;
- + Hoặc thanh lý dây chuyền thiết bị có liên quan.

➤ Đối với dòng Bao chứa hạt nhựa: Cung cấp cho NMLD Dung Quất được duy trì sản lượng theo hợp đồng, sản lượng tiêu thụ đạt 5,7 triệu bao, đạt 104% kế hoạch năm 2024.

b) Về doanh thu:

➤ Doanh thu lĩnh vực bao bì đạt 84,5 tỷ đồng, đạt 96% kế hoạch năm 2024 và bằng 84% so với năm 2023, trong đó:

➤ Doanh thu dòng Bao nông sản đạt 19,0 tỷ đồng, đạt 86% kế hoạch năm 2024; bằng 124% so với năm 2023;

➤ Doanh thu Màn hình PP tráng màng đạt 6,2 tỷ đồng, đạt 74% kế hoạch năm 2024; bằng 49% so với năm 2023;

➤ Doanh thu Bao chứa hạt nhựa đạt 59,3 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch năm 2024; bằng 81% so với năm 2023.

3.2. Hoạt động thương mại:

Kết quả về sản lượng tiêu thụ sản phẩm và doanh thu hoạt động thương mại thực hiện năm 2024 được trình bày như sau:

TT	Sản phẩm thương mại	Đvt	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ % TH/KH 2024	Tỷ lệ % TH2024/TH2023
I	Sản lượng tiêu thụ						
1	Hạt nhựa PP	Tấn	22.354	20.000	24.941	125%	112%
2	Pallet gỗ	Cái	130.000	118.000	108.000	92%	83%
II	Doanh thu	Tỷ đồng	555,5	531,2	641,4	121%	115%
1	Hạt nhựa PP	Tỷ đồng	511,4	491,1	604,8	123%	118%
2	Pallet gỗ	Tỷ đồng	44,1	40,1	36,6	91%	83%

➤ **Đánh giá chung:**

a) Về sản lượng tiêu thụ:

➤ Sản lượng tiêu thụ hạt nhựa PP đạt 24.941 tấn, đạt 125% kế hoạch 2024 và bằng 112% so với năm 2023.

➤ Sản lượng tiêu thụ Pallet gỗ đạt 108.000 cái, đạt 92% kế hoạch 2024 và bằng 83% so với năm 2023.

b) Về doanh thu:

Doanh thu hoạt động thương mại năm 2024 đạt 641,4 tỷ đồng, đạt 121% kế hoạch năm 2024, bằng 115% so với năm 2023, trong đó:

➤ Doanh thu hạt nhựa PP đạt 604,8 tỷ đồng, đạt 123% kế hoạch năm 2024 và bằng 118% so với năm 2023;

➤ Doanh thu Pallet gỗ đạt 36,6 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch năm 2024 và bằng 83% so với năm 2023.

3.3. Dịch vụ hậu cần:

Kết quả doanh thu kinh doanh dịch vụ hậu cần thực hiện năm 2024 như sau:

Stt	Doanh thu	Đvt	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ % TH/KH 2024	Tỷ lệ % TH2024/TH2023
1	Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	Tỷ đồng	18,2	19,2	23,9	125%	131%
2	Dịch vụ vận chuyển	Tỷ đồng	31,9	37,4	34,6	93%	109%
3	Dịch vụ hậu cần khác (Giặt là; Nhà hàng; cho thuê xe đạp, xử lý côn trùng, chăm sóc cây xanh,...)	Tỷ đồng	20,9	17,1	28,7	167%	137%
Tổng cộng		Tỷ đồng	71,0	73,7	87,2	118%	123%

➤ Đánh giá chung:

- Năm 2024, doanh thu dịch vụ hậu cần đạt 87,2 tỷ đồng, đạt 118% kế hoạch năm 2024 và bằng 123% so với năm 2023, trong đó:

➤ Doanh thu Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà đạt 23,9 tỷ đồng, đạt 125% kế hoạch năm 2024 và bằng 131% so với năm 2023;

➤ Doanh thu dịch vụ vận chuyển đạt 34,6 tỷ đồng, đạt 93% so với kế hoạch 2024 và bằng 109% so với năm 2023;

➤ Doanh thu các dịch vụ hậu cần khác đạt 28,7 tỷ đồng, đạt 167% kế hoạch năm 2024 và bằng 137% so với năm 2023.

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục duy trì và thực hiện các dịch vụ truyền thống, triển khai các Hợp đồng dịch vụ trong giai đoạn Nhà máy lọc dầu Dung Quất thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần thứ 5 và một số dịch vụ hậu cần khác như tổ chức sự kiện, cho thuê nhân sự, liên danh thực hiện cung cấp đồ bảo hộ lao động,... Các Hợp đồng được triển khai đạt hiệu quả, góp phần tạo kết quả kinh doanh tốt hơn cho Công ty.

4. Công tác đầu tư mua sắm tài sản

Trên cơ sở chấp thuận chủ trương và phê duyệt của cấp thẩm quyền về việc đầu tư mua sắm 02 xe ô tô Landcruiser phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Đơn hàng số 511/ĐH-KD; Giám đốc Công ty đã triển khai các công việc theo đúng quy định hiện hành về công tác đầu tư mua sắm; nhưng đã hủy thầu, lý do không có nhà thầu tham gia đấu thầu.

5. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến toàn bộ người lao động. Công ty triển khai có hiệu quả trong việc sử dụng vốn; tiết giảm hợp lý chi phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ, nguyên liệu phục vụ sản xuất.

Trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn khó khăn, nhờ thực hiện hiệu quả công tác tiết giảm chi phí, cùng với nỗ lực phát triển thị

trường, Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông, ổn định việc làm và từng bước cải thiện thu nhập cho người lao động.

6. Công tác nhân sự, đào tạo

6.1. Tình hình nhân sự, tiền lương:

Kết quả thực hiện quỹ tiền lương, thù lao của người lao động và người quản lý năm 2024 được trình bày như bảng dưới đây:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	% TH2024/KH2024	% TH2024/TH 2023
1	Năng suất lao động bình quân	Triệu đồng/người/tháng	14,06	11,55	15,99	138,5%	113,7%
2	Lao động bình quân	Người	301	305	296	97,0%	98,3%
3	Tiền lương bình quân	Triệu đồng/người/tháng	8,12	6,67	9,24	138,5%	113,9%
4	Quỹ Tiền lương người lao động	Tỷ đồng	29,31	24,41	32,82	134,4%	112,0%
5	Quỹ Tiền lương người quản lý	Tỷ đồng	3,29	2,82	3,38	120,0%	102,8%
6	Quỹ Thù lao kiêm nhiệm	Tỷ đồng	0,156	0,129	0,185	144,0%	118,9%

➤ Đánh giá chung về công tác lao động tiền lương:

- Lao động bình quân 2024 đạt 97% kế hoạch.
- Năm 2024, năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu trừ chi phí chưa lương) đạt 15,99 triệu đồng/người/tháng, vượt 38,5% so với kế hoạch năm 2024 và bằng 113,7% so với năm 2023.
- Số lao động bình quân trong năm là 296 người. Tiền lương bình quân năm 2024 của người lao động đạt 9,24 triệu đồng/người/tháng, đạt 138,5% so với kế hoạch 2024 và bằng 113,9% so với năm 2023.
- Số lượng người quản lý Công ty bình quân là 8 người, quỹ tiền lương của người quản lý Công ty thực hiện đạt 120% kế hoạch năm 2024.
- Số người quản lý kiêm nhiệm bình quân thực hiện là 2,4 người, 120% so với kế hoạch (kế hoạch là 2 người), quỹ tiền lương thù lao thực hiện đạt 144%.

6.2. Công tác đào tạo

Năm 2024, công tác huấn luyện, đào tạo được chú trọng, chủ yếu ở các lĩnh vực như: Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho toàn thể CBNLĐ theo từng đối tượng; tập huấn công tác quản trị công ty đại chúng quy mô lớn; tập huấn về Luật chứng khoán, Luật đấu thầu; nghiệp vụ tiền lương và chính sách pháp luật; tập huấn các nghiệp vụ quản trị nhân sự, kế toán, thủ tục hải quan, thuế, nghiệp vụ lái xe, nghiệp vụ bảo vệ, nghiệp vụ phòng chống cháy nổ và CNCH, nghiệp vụ sơ cấp cứu ban đầu; nghiệp vụ xử lý côn trùng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

7. Công tác khác

7.1. Văn hóa Công ty:

- Công ty đã xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và đổi mới dựa trên giá trị cốt lõi: “ Đổi mới- Đoàn kết- Hành động- Hiệu quả” và từng bước đạt được mục tiêu: Tăng cường tinh thần đoàn kết, trách nhiệm của nhân viên; Xây dựng hình ảnh Công ty chuyên nghiệp, uy tín đối với đối tác và khách hàng; Tạo động lực làm việc và nâng cao năng suất lao động.

- Đã ban hành bộ quy tắc ứng xử 7 chuẩn mực hành vi lãnh đạo, 6 nguyên tắc văn hóa của BSPPT.

- Tổ chức các khóa đào tạo về quản trị, nâng cao năng lực quản lý kinh doanh, thủ tục hải quan, thuế...và triển khai chương trình "Đào tạo nội bộ" chia sẻ kinh nghiệm vận hành sản xuất tại Nhà máy bao bì.

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp thông qua triển khai các hoạt động nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động: tổ chức du lịch hàng năm, sinh nhật; tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe như: Khám sức khỏe định kỳ, thể thao sau giờ làm; Kỷ niệm các ngày lễ quan trọng như: Ngày Quốc tế Phụ nữ, Ngày Gia đình, Ngày thành lập Công ty, Ngày truyền thống ngành Dầu khí...

- Nâng cao trách nhiệm xã hội của Công ty thông qua việc tổ chức các hoạt động thiện nguyện nêu ở phần công tác an sinh xã hội; sử dụng hạt nhựa tái sinh để bảo vệ môi trường.

- Tăng kết nối và tương tác giữa các phòng ban thông qua phần mềm quản lý điều hành doanh nghiệp, phần mềm quản lý tài sản và bảo dưỡng thiết bị.

7.2. Công tác khoa học công nghệ, chuyển đổi số

- Tiếp tục cải tiến thiết bị máy móc và tìm các giải pháp nghiên cứu phương án đầu tư thay đổi công nghệ, thiết bị, khuyến khích người lao động sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

- Kế hoạch chuyển đổi số: Công ty đã ban hành kế hoạch, lộ trình chuyển đổi số phù hợp với tình hình Công ty. Đã hoàn thành nâng cấp Website Công ty và 2 phân hệ trong kế hoạch chuyển đổi số là phần mềm quản lý văn bản điều hành và phần mềm quản lý tài sản và bảo dưỡng thiết bị Công ty.

7.3. Công tác an sinh xã hội, hoạt động của các tổ chức đoàn thể:

Cùng với hoạt động SXKD, Công ty tích cực triển khai nhiều hoạt động an sinh xã hội ý nghĩa, chăm lo đời sống, tinh thần cho bản thân CBCNV, thăm hỏi động viên người lao động có hoàn cảnh khó khăn, bệnh nan y.

Ban chấp hành Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty đã tổ chức thành công các hội thao Công ty, cũng như tham gia các hoạt động ý nghĩa của Công đoàn và Đoàn Thanh niên cấp trên. Bên cạnh đó, Công ty đã tặng quà cho học sinh ở Trường THCS Nguyễn Kim Vang và tặng bàn ghế cho Trường THCS Long Sơn. Thăm và tặng quà cho nạn nhân chất độc màu da cam tại xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

7.4. Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường

Công tác đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường luôn được thực hiện tốt, trong năm không có tai nạn lao động nghiêm trọng, không có sự cố cháy nổ xảy ra; Công ty luôn thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của cơ quan chức năng về phòng chống cháy nổ, toàn bộ người lao động đã tích cực thực hiện tốt các biện pháp phòng chống cháy nổ góp phần đảm bảo an toàn, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

II. TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Công ty đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 15/5/2024;

Công tác tái cơ cấu doanh nghiệp trong năm qua bước đầu đã triển khai thực hiện, cụ thể:

1. Cơ cấu ngành nghề, thị trường sản phẩm và dịch vụ:

Công ty xác định các hoạt động SXKD chính:

+ *Sản xuất bao bì: Tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm bao bì để đáp ứng tốt nhất yêu cầu về chất lượng, giá thành của khách hàng.*

+ *Hoạt động thương mại: Đầu tư, nghiên cứu thị trường bán lẻ và xây dựng mở rộng hệ thống bán hạt nhựa PP.*

+ *Cung cấp dịch vụ: Xây dựng đội ngũ nhân viên theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp nhằm đem lại sự hài lòng cho các khách hàng sử dụng các dịch vụ của Công ty.*

2. Tái cấu trúc tổ chức, nguồn nhân lực:

Công ty tiếp tục xây dựng và ban hành các quy chế, quy định (Cơ cấu tổ chức Công ty, xây dựng định biên lao động theo từng lĩnh vực hoạt động, xây dựng văn hóa doanh nghiệp...) để từng bước thiết lập cơ cấu tổ chức tinh gọn, bao gồm đầy đủ tính tuân thủ, kỷ luật, văn hóa doanh nghiệp với lực lượng lao động đạt chuẩn phù hợp.

PHẦN II

KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, các công việc chuyển tiếp cũng như dự kiến những hoạt động phát sinh trong năm 2025, Công ty xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2025, cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ

Năm 2025, bám sát các nội dung, định hướng phát triển Công ty theo chỉ đạo của BSR và tình hình thực tế thị trường để triển khai. Bên cạnh đó, Công ty cần nhận diện những rủi ro, thách thức để xây dựng kịch bản ứng phó, đồng thời tìm kiếm động lực mới tăng trưởng cho các mảng sản xuất, kinh doanh, tận dụng cơ hội, triển khai đồng bộ các giải pháp. Tiến hành đổi mới tổ chức bộ máy và tái cơ cấu BSPPT theo hướng tinh gọn, nâng cao năng suất lao động là nhiệm vụ quan trọng tạo đà tăng trưởng cho năm 2025 và những năm tiếp theo.

1.1. Đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì

Tập trung rà soát công tác tối ưu hóa quy trình sản xuất bao bì, tiết kiệm chi phí, tìm thêm các nhà cung cấp mới, cơ cấu nguyên vật liệu đầu vào; giải pháp gia tăng tối đa công suất dây chuyền thiết bị của nhà máy, nghiên cứu sản xuất các loại sản phẩm mới để đa dạng hóa sản phẩm.

1.2. Đối với hoạt động thương mại

- Tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ hạt nhựa PP, ưu tiên hướng đến khách hàng trực tiếp sản xuất.

- Mở rộng kinh doanh các sản phẩm mới LPG, hóa phẩm xúc tác, vật tư, tổ chức sự kiện.

- Nghiên cứu và tiến hành sản xuất Pallet gỗ có thể mang lại hiệu quả cao hơn cho Công ty.

1.3. Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ hậu cần

- Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp, kiểm soát chặt chẽ chi phí để nâng cao năng lực cạnh tranh, đấu thầu của Công ty.

- Mở rộng thêm một số lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ hậu cần khác nhằm khai thác hiệu quả các nguồn lực của Công ty.

2. Tổng hợp các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

2.1. Chỉ tiêu tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ % KH2025 /TH 2024	Ghi chú
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	192,4	192,0	99,8%	
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>175,22</i>	<i>175,22</i>	100,0%	
	<i>Tỷ lệ tham gia của BSR</i>	<i>%</i>	<i>83,26</i>	<i>83,26</i>	100,0%	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	817,3	1.237	151,3%	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20,4	18,1	88,6%	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18,2	15,7	86,4%	
5	Tỷ suất LNST/tổng tài sản	%	6,3%	5,2%	82,6%	
6	Tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu	%	9,4%	8,2%	86,9%	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	10,4%	9,0%	86,8%	
8	Nộp NSNN	Tỷ đồng	9,6	12,6	130,8%	

3.2. Chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ:

Stt	Chỉ tiêu sản lượng	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Tỷ lệ % KH2025/ TH2024
1	Bao nông sản	Triệu bao	2,78	2,70	97,0%
2	Mành PP tráng màng	Triệu mét	10,00		
3	Bao chứa hạt nhựa	Triệu bao	5,70	6,60	115,8%
4	Hạt nhựa PP	Tấn	24.941	36.000	144,3%

Stt	Chỉ tiêu sản lượng	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Tỷ lệ % KH2025/TH2024
5	Pallet gỗ	Cái	108.000	130.000	120,4%
6	LPG	Tấn	-	12.000	

3.3. Chỉ tiêu kinh doanh dịch vụ:

Stt	Chỉ tiêu kinh doanh dịch vụ	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Tỷ lệ % KH2025/TH2024
1	Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	Tỷ đồng	23,9	22,1	92,3%
2	Vận chuyển hành khách	Tỷ đồng	34,6	32,9	95,2%
3	Dịch vụ hậu cần khác	Tỷ đồng	28,7	16,2	56,7%
Tổng cộng:		Tỷ đồng	87,2	71,2	81,8%

3.4. Chỉ tiêu lao động, tiền lương:

Stt	Chỉ tiêu lao động, tiền lương	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Tỷ lệ % KH2025/TH2024
1	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người	296	300	101,4%
2	Tiền lương bình quân	Tr.đồng/tháng	9,24	8,13	88,0%
3	Năng suất lao động bình quân tính theo tổng DT trừ chi phí chưa lương	Tr.đồng/tháng	15,99	14,05	87,8%
4	Quỹ tiền lương người lao động	Tr.đồng	32.820	29.265	89,2%
5	Quỹ tiền lương người quản lý chuyên trách	Tr.đồng	3.382	2.997	88,6%

Stt	Chỉ tiêu lao động, tiền lương	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Tỷ lệ % KH2025/ TH2024
6	Quỹ thù lao người quản lý không chuyên trách	Tr.đồng	185	205	110,8%

3.5. Chỉ tiêu về đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2025	Ghi chú
1	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	48,83	
1.1	Đầu tư XDCB:	Tỷ đồng	5,00	
+	<i>Cải tạo khu nhà LK 231 đến LK 234 và LK 241 thành văn phòng làm việc của BSPPT</i>	Tỷ đồng	5,00	
1.2	Mua sắm TTB và TSCĐ	Tỷ đồng	43,83	
+	<i>Mua sắm 08 xe ô tô 47 chỗ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty</i>	Tỷ đồng	27,00	
+	<i>Mua sắm 06 xe ô tô 7 chỗ + 02 xe 16 chỗ + 04 xe 29 chỗ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty</i>	Tỷ đồng	16,83	
2	Nguồn vốn	Tỷ đồng	48,83	
2.1	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	Tỷ đồng	48,83	
2.2	<i>Vốn vay và khác</i>	Tỷ đồng	-	
3	Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	48,83	
3.1	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	Tỷ đồng	48,83	
3.2	<i>Vốn vay và khác</i>	Tỷ đồng	-	

Ghi chú: Chi tiết Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty BSPPT theo các Phụ lục số 1, 2, 3 đính kèm.

4. Định hướng chỉ đạo điều hành và giải pháp triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2025

4.1. Định hướng chỉ đạo điều hành:

a) Phát triển bền vững và đổi mới sáng tạo

- Tăng cường áp dụng các công nghệ mới, áp dụng chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ và giảm chi phí. Tích cực đổi mới sáng tạo đáp ứng
- Đảm bảo sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định hiện tại.

b) Tập trung vào khách hàng và thị trường

- Mở rộng thị trường trong nước, đặc biệt là các thị trường tiềm năng ở khu vực Miền Trung-Tây Nguyên, miền Nam Lào.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược lâu dài.

c) Nâng cao quản trị doanh nghiệp

- Đẩy mạnh quản trị theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, phù hợp với các tiêu chuẩn quản trị hiện đại.
- Xây dựng văn hóa Công ty với môi trường làm việc thân thiện, sáng tạo, minh bạch, tạo động lực phát triển.
- Đầu tư đổi mới công nghệ, tăng cường công tác sáng kiến cải tiến, thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo chuyên môn, tay nghề cho quản lý và nhân viên Công ty để nâng cao năng suất lao động đáp ứng tình hình mới.

4.2. Giải pháp triển khai

a) Công tác Quản trị, Điều hành

- Tiếp tục rà soát hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ trong Công ty; tăng cường vai trò kiểm soát và giám sát; triển khai công tác chiến lược đã được ĐHĐCĐ thông qua và kế hoạch từng giai đoạn của Công ty gắn với chiến lược phát triển của BSR và đề án cấu trúc lại của BSR.
- Bám sát nhiệm vụ trọng tâm đã được BSR giao cũng như các kết luận của các đoàn kiểm tra giám sát của Công ty mẹ, các kết luận thanh tra, kiểm tra của Bộ ngành, Tập đoàn;
- Xây dựng các phương án để chủ động ứng phó với các biến động của thị trường; Phương án phát triển hoạt động thương mại và hoạt động dịch vụ; tăng cường công tác quản trị; từng bước số hóa hệ thống quản lý; tiếp tục triển khai phát triển văn hóa doanh nghiệp, có giải pháp cụ thể tăng cường tiết kiệm, tiết giảm chi phí, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

- Chú trọng công tác nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm tiêu hao vật tư, đáp ứng được yêu cầu đa dạng của khách hàng.
- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn lại bộ máy tổ chức, tối ưu hóa nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của Công ty trong tình hình mới.

b) Hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì

- Vận hành Nhà máy sản xuất bao bì đảm bảo an toàn, ổn định, tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, từng bước đầu tư thay đổi công nghệ, thiết bị, nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát tốt ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất để có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng và ngày càng cao của khách hàng.
- Tích cực nghiên cứu các loại sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng, chú trọng hơn trong công tác nghiên cứu sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tạo các dây chuyền sản xuất hiện có, cập nhật các bộ định mức, tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất ngày càng nhiều hơn, sản phẩm đa dạng hơn, chất lượng tốt hơn.
- Nỗ lực khảo sát thị trường đầu vào: Nhằm đảm bảo mua nguyên liệu đầu vào với giá và thời điểm có hiệu quả nhất phục vụ công tác sản xuất, mặt khác tìm kiếm được những đối tác/khách hàng mới để mở rộng thị trường, thị phần và năng lực sản xuất bên cạnh việc tăng cường công tác chăm sóc khách hàng để giữ chân khách hàng truyền thống.

c) Hoạt động kinh doanh thương mại

- Mở rộng hệ thống khách hàng tiêu thụ hạt nhựa, hướng tới người sử dụng cuối cùng (*Nhà máy sản xuất, hộ tiêu dùng*).
- Nghiên cứu kinh doanh các sản phẩm khác của BSR như các chủng loại hạt nhựa PP mới, LPG, xăng dầu,..
- Bộ phận kinh doanh thường xuyên bám sát các bộ phận chuyên môn của khách hàng/đối tác truyền thống và tiềm năng để kịp thời tiếp cận tham gia dự thầu các đơn hàng, các hợp đồng cung cấp vật tư, thiết bị phụ tùng thay thế, hóa phẩm, xúc tác, logistic, tổ chức sự kiện... để tối đa nguồn thu cho Công ty.

d) Hoạt động cung cấp dịch vụ hậu cần, dịch vụ kỹ thuật

➤ Đối với dịch vụ hậu cần:

- Tiếp tục chú trọng công tác đào tạo và nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí để từng bước nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- củng cố, nâng cao năng lực bộ phận chuyên môn, bám sát, nhanh nhạy nắm bắt thông tin thị trường để triển khai làm tốt hồ sơ dự thầu với tiến độ, chất lượng đúng cam kết, mang lại hiệu quả cao.

➤ *Đối với dịch vụ kỹ thuật:*

- Bên cạnh các dịch vụ truyền thống cần bổ sung các dịch vụ mới như các dịch vụ bảo dưỡng vừa và nhỏ, dịch vụ vệ sinh công nghiệp,... để tận dụng các thế mạnh về kho bãi, nhân sự và khoảng cách địa lý.

- Xây dựng đội ngũ nhân sự có đủ năng lực, tìm kiếm thông tin thị trường và tiếp cận khách hàng để tìm giải pháp sớm triển khai cung cấp dịch vụ kỹ thuật, đầu tư cơ sở hạ tầng về nhà xưởng, máy móc, thiết bị, xây dựng hệ thống quy trình quản lý hoạt động dịch vụ kỹ thuật.

- Nghiên cứu phát triển lĩnh vực dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn máy móc thiết bị, tìm kiếm thị trường, đối tác để hợp tác cung ứng dịch vụ liên quan kiểm định/hiệu chuẩn.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 của Công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VT, KHHĐ.

GIÁM ĐỐC

Phan Quốc Toàn

PHỤ LỤC 1*(Kèm theo Báo cáo số BC-BSPPT ngày tháng 3 năm 2025)***KẾ HOẠCH DOANH THU CHI PHÍ NĂM 2025**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
I	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.237,0	
1	Sản xuất kinh doanh bao bì	Tỷ đồng	87,4	
a	Bao nông sản	Tỷ đồng	18,7	
b	Bao chứa hạt nhựa	Tỷ đồng	68,7	
2	Hoạt động Thương mại	Tỷ đồng	1.074,3	
a	Hạt nhựa PP	Tỷ đồng	850,3	
b	Pallet gỗ	Tỷ đồng	39,5	
c	LPG	Tỷ đồng	184,5	
3	Kinh doanh dịch vụ	Tỷ đồng	71,2	
a	Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	Tỷ đồng	22,1	
b	Dịch vụ vận chuyển	Tỷ đồng	32,9	
c	Dịch vụ hậu cần khác (giặt là, cho thuê xe đạp, xử lý côn trùng, cho thuê kho, chăm sóc cây xanh, hỗ trợ hành chính...)	Tỷ đồng	16,2	
4	Doanh thu tài chính + khác	Tỷ đồng	4,1	
II	Tổng chi phí	Tỷ đồng	1.218,9	
1	Chi phí vốn	Tỷ đồng	1.195,2	
2	Chi phí quản lý Công ty	Tỷ đồng	19,1	
3	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	4,6	
4	Chi phí tài chính, khác	Tỷ đồng	-	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
III	Trích lập dự phòng đầu tư tài chính			
IV	Lãi (lỗ)	Tỷ đồng	18,1	
V	Xử lý tài chính			
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18,1	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	2,4	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,7	
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	12,6	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẺ TRANG THIẾT BỊ NĂM 2025

[illegible]

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BSPPT ngày tháng 3 năm 2025)

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2025

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt						Kế hoạch năm 2025						Thực hiện công việc trong năm
						Số quyết định	Ngày, tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư			Giá trị thực hiện đầu tư			Giá trị giải ngân			
									Tổng số	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác	Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		
												Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	Tổng	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		
B	Mua sắm tài sản cố định				Tỷ đồng							43,83	43,83	-	43,83	43,83	-	
1	Mua sắm 08 xe ô tô 47 chỗ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty				Tỷ đồng							27,00	27,00	-	27,00	27,00	-	
2	Mua sắm 06 xe ô tô 7 chỗ + 02 xe 16 chỗ+ 04 xe 29 chỗ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty				Tỷ đồng							16,83	16,83	-	16,83	16,83	-	
	Tổng (A)+(B)				Tỷ đồng							48,83	48,83	-	48,83	48,83	-	

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BSPPT ngày tháng 3 năm 2025)

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025 THEO QUÝ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025					Ghi chú
			Tổng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
A	B	C	I=2+...5	2	3	4	5	D
I	Các chỉ tiêu sản lượng và kinh doanh dịch vụ							
1	Chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ							
1.1	Sản phẩm thương mại							
a	Hạt nhựa PP	Tấn	36.000	9.000	9.000	9.000	9.000	
b	Pallet	Cái	130.000	32.500	32.500	32.500	32.500	
c	LPG	tấn	12.000	3.000	3.000	3.000	3.000	
1.2	Sản phẩm bao bì							
a	Bao nông sản	Triệu bao	2,70	0,89	0,33	0,38	1,10	
b	Bao chứa hạt nhựa	Triệu bao	6,60	1,65	1,65	1,65	1,65	
2	Chỉ tiêu kinh doanh dịch vụ		71,2	17,8	17,8	17,8	17,8	
2.1	Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	Tỷ đồng	22,1	5,5	5,5	5,5	5,5	
2.2	Dịch vụ vận chuyển	Tỷ đồng	32,9	8,2	8,2	8,2	8,2	
2.3	Dịch vụ hậu cần khác (giặt là, nhà hàng, cho thuê xe đạp, xử lý côn trùng, cho thuê kho, chăm sóc cây xanh, hỗ trợ hành chính...)	Tỷ đồng	16,2	4,1	4,1	4,1	4,1	
II	Các chỉ tiêu tài chính							
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	192,3	180,4	184,0	188,1	192,3	
	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	175,2	175,2	175,2	175,2	175,2	
	- Tỷ lệ tham gia của BSR	%	83,3	83,3	83,3	83,3	83,3	
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.237	310,8	306,8	307,1	312,3	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18,1	4,39	4,12	4,69	4,90	
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	2,4	0,58	0,55	0,62	0,65	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,7	3,81	3,58	4,07	4,25	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025					Ghi chú
			Tổng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
A	B	C	I=2+...5	2	3	4	5	D
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	12,6	3,15	3,15	3,15	3,15	
III	Chỉ tiêu đầu tư							
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	48,83	-	5,00	43,83	-	
	<i>Trong đó: - Đầu tư XD CB</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>5,00</i>	<i>-</i>	<i>5,00</i>		<i>-</i>	
	<i>- Mua sắm thiết bị/TSCĐ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>43,83</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>43,83</i>	<i>-</i>	
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	48,83	-	5,00	43,83	-	
	<i>Trong đó:</i>	<i>Tỷ đồng</i>						
	<i>- Vốn chủ sở hữu</i>	<i>"</i>	<i>48,83</i>	<i>-</i>	<i>5,00</i>	<i>43,83</i>	<i>-</i>	
	<i>- Vốn vay + khác</i>	<i>"</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
IV	Các chỉ tiêu khác							
1	Lao động và tiền lương:							
	- Số lao động đầu kỳ	Người	296	296	297	299	302	
	- Số lao động cuối kỳ	Người	310	297	303	306	310	
	- Số lao động bình quân trong kỳ	Người	300	297	299	302	303	
	- Tiền lương bình quân	Trđ/ng tháng	8,13	8,17	8,12	8,12	8,09	
	- Năng suất lao động bình quân (<i>tính theo doanh thu trừ chi phí chưa lương</i>)	Trđ/ng	14,05	13,99	13,60	14,17	14,35	
	- Quỹ lương người lao động	Tỷ đồng	29,26	7,28	7,28	7,35	7,35	
	- Quỹ lương người quản lý và thù lao HDQT, BKS	Tỷ đồng	3,2	0,80	0,80	0,80	0,80	
2	Đào tạo	Lượt người	600	0	300	300	0	
	<i>- Đào tạo cán bộ theo kế hoạch</i>	<i>Lượt người</i>	<i>600</i>	<i>0</i>	<i>300</i>	<i>300</i>	<i>0</i>	
3	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	1,2	0,2	0,4	0,4	0,2	
4	Công tác An sinh xã hội	Tỷ đồng	0,24	0,06	0,06	0,06	0,06	
5	Nghiên cứu khoa học	Đề tài	04					
6	Kinh phí nghiên cứu khoa học	Tỷ đồng	0,05					

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ BÌNH SƠN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-HĐQT-PVBLD

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2025

DỰ THẢO

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BA O BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
CỦA CÔNG TY NĂM 2025

Hoạt động SXKD năm 2025 của Công ty diễn ra trong tình hình có nhiều thuận lợi, khó khăn thách thức đan xen:

- Trong nước, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước tiếp tục phục hồi và phát triển ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng GDP năm 2024 đạt 7,09% (Nguồn: Tổng cục Thống kê). Nhà nước luôn sát cánh cùng doanh nghiệp, tiếp tục có nhiều quyết sách kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp như: giãn, giảm thuế, phí, lệ phí,... Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao, định hướng kịp thời của Công ty Mẹ (BSR).

- Bên cạnh đó, nền kinh tế nước ta chịu rủi ro, thách thức từ bên ngoài, đó là: Xung đột địa chính trị tại các nước trên thế giới diễn ra phức tạp khiến giá hàng hóa, giá dầu biến động khó lường... Thị trường xuất khẩu tinh bột sắn chính của các doanh nghiệp Việt Nam là Trung Quốc gặp khó khăn, làm giảm sản lượng sản phẩm tinh bột sắn xuất khẩu, dẫn đến nhu cầu bao nông sản giảm; Mạnh PP tráng màng giảm nhu cầu tiêu thụ từ tháng 8/2024 do khách hàng thay đổi công nghệ không còn sử dụng màng này; Nhà máy sản xuất bao bì tiềm ẩn nhiều nguy cơ không đảm bảo an toàn nếu không được duy tu bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, dẫn tới chi phí ngày càng tăng.

Năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cơ bản vẫn giữ các lĩnh vực chủ yếu: lĩnh vực dịch vụ hậu cần phục vụ cho NMLD Dung Quất tiếp tục được xác định là nhiệm vụ cốt lõi; lĩnh vực sản xuất kinh doanh bao bì có sự cạnh tranh về thị trường tiêu thụ, một số khách hàng truyền thống gặp khó khăn trong việc sản xuất kinh doanh mặt hàng chính (tinh bột sắn); lĩnh vực hoạt động kinh doanh thương mại tuy có nhiều biến động song vẫn tiếp tục được duy trì, hoạt động kinh doanh hạt nhựa nhận được những tín hiệu tích cực từ nhà sản xuất và bước đầu có một số hướng đi mới.

Với sự năng động của tập thể HĐQT và Bộ máy điều hành, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể người lao động kết hợp với sự quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của các cổ đông, nhất là Cổ đông BSR (cổ đông chi phối) nên kết quả SXKD của Công ty cơ bản đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Kết quả một số chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ hoàn thành KH
I	Chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	697,0	817,3	117%
2	Tổng chi phí (chưa lương)	tỷ đồng	682,1	796,9	117%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	14,9	20,4	137%
4	Nộp ngân sách nhà nước	tỷ đồng	12,1	9,6	80%
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	12,9	18,2	141%
II	Chỉ tiêu lao động tiền lương				
1	Lao động bình quân	người	305	296	97%
2	Năng suất lao động bình quân theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương	triệu đồng/ng/tháng	11,6	16,0	139%
3	Tiền lương bình quân	triệu đồng/ng/tháng	6,7	9,2	139%
4	Quỹ lương người lao động	triệu đồng	24.413	32.820	134%
III	Chỉ tiêu về đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị	tỷ đồng	9,48	0	0%

Phần thứ hai

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Cơ cấu HĐQT

Năm 2024, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty có sự thay đổi về số lượng và nhân sự cụ thể:

Từ đầu năm 2024 số lượng và cơ cấu: 04 thành viên gồm 01 Chủ tịch kiêm nhiệm, 01 thành viên kiêm Giám đốc và 02 thành viên chuyên trách:

TT	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phiếu		Tổng tỷ lệ (%)
			Sở hữu	Được uỷ quyền	
1	Phạm Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT		6.132.799	35
2	Trần Xuân Thu	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty	104.500	5.256.685	30,59
3	Lê Xuân Sơn	Thành viên HĐQT		3.199.800	18,26
4	Hà Thị Hoa	Thành viên HĐQT	82.300	1.491.700	8,86

Đến tháng 10/2024, do yêu cầu công tác cán bộ của Công ty mẹ (BSR); HĐQT được kiện toàn và thay đổi về số lượng và cơ cấu: 05 thành viên gồm 01 Chủ tịch kiêm nhiệm, 01 thành viên kiêm Giám đốc, 02 thành viên chuyên trách và 01 thành viên kiêm nhiệm.

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP đại diện	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Mai Tuấn Đạt	Chủ tịch (Bổ nhiệm 01/10/2024)	6.132.800	0	6.132.800	0%
2	Phan Quốc Toàn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 01/10/2024)	5.256.685	0	5.256.685	0%
3	Trần Xuân Thu	Thành viên (Bổ nhiệm 28/4/2021)	1.752.228	104.500	1.856.728	0,596%
4	Lê Xuân Sơn	Thành viên (Bổ nhiệm 28/4/2021)	1.447.571	0	1.447.484	0%
5	Hà Thị Hoa	Thành viên (Bổ nhiệm 28/4/2021)	1.285.300	82.300	1.367.600	0,47%

2. Hoạt động của HĐQT

- Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện quyền lợi cho các cổ đông, HĐQT đã vượt qua mọi khó khăn, thách thức trước các diễn biến phức tạp và khó khăn thách thức trong năm 2024 để hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, từng bước xây dựng Công ty ngày càng ổn định về tổ chức, sản

xuất kinh doanh hiệu quả, đảm bảo là đơn vị hậu cần uy tín của BSR; đồng thời phát triển các lĩnh vực liên quan theo định hướng của BSR.

- Ngay sau khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, HĐQT đã có phân công tương đối cụ thể, rõ ràng các lĩnh vực phụ trách và chịu trách nhiệm chỉ đạo cho từng thành viên HĐQT nhằm nâng cao chất lượng chỉ đạo và giám sát của HĐQT đối với hoạt động của BDH; Hoạt động của HĐQT được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ; các thành viên HĐQT cùng có ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT trước khi HĐQT ra quyết định. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc chỉ đạo, giám sát và đôn đốc BDH triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Năm 2024, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT, HĐQT tổ chức 07 cuộc họp trực tiếp và 27 lần lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp HĐQT đều được chuẩn bị đầy đủ về nội dung, đảm bảo trình tự, nguyên tắc theo quy định của Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung hoặc hướng dẫn liên quan, các cuộc họp đã thảo luận và tập trung giải quyết kịp thời những vấn đề quan trọng trong việc xây dựng và thực thi kế hoạch SXKD; định hướng phát triển Công ty; các giải pháp phù hợp để tháo gỡ vướng mắc cùng Ban điều hành và người lao động vượt qua khó khăn thách thức ... Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã ban hành 20 nghị quyết, 31 quyết định với các nội dung chủ yếu tập trung đến công tác hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý Công ty, thực hiện vai trò của HĐQT trong việc định hướng phát triển, triển khai các hoạt động SXKD của Công ty và giám sát các hoạt động đầu tư, mua sắm thuộc thẩm quyền của HĐQT.

(Có Danh mục Nghị quyết và Quyết định kèm theo)

- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với BKS trong việc kiểm tra nắm bắt tình hình SXKD thực tế của Công ty.

- HĐQT đã thực hiện các nội dung công việc do ĐHĐCĐ giao.

Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT và các thành viên đã trực tiếp tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc việc chuẩn bị các nội dung trình HĐQT/Đại hội đồng cổ đông.

Bên cạnh việc hoàn thành nhiệm vụ của tập thể HĐQT, từng thành viên đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

Ông Mai Tuấn Đạt, Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm:

- Phụ trách chung, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan;

- Công tác Tổ chức nhân sự; đổi mới, tái cấu trúc Công ty.

- Chỉ đạo công tác triển khai thực hiện Chiến lược, các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Công ty;

- Chỉ đạo công tác xây dựng Văn hoá Công ty;

- Công tác quản lý vốn, quản trị rủi ro.

Ông Phan Quốc Toàn, Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty:

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan;

- Trực tiếp điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Công tác nghiên cứu đánh giá, mở rộng thị trường, đánh giá cơ hội kinh doanh, mở rộng ngành nghề kinh doanh.

- Trực tiếp chỉ đạo công tác triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Công ty, xây dựng Văn hoá Công ty;

- Chế độ chính sách; Đánh giá cán bộ; Thi đua khen thưởng;

- Công tác công bố thông tin theo quy định của Pháp luật

- Nội dung khác do HĐQT phân công.

Ông Trần Xuân Thu, Thành viên HĐQT kiêm nhiệm:

Theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nội dung:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại;

- Tham mưu công tác quản trị doanh nghiệp

- Tham gia chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Công ty theo lĩnh vực được phân công và xây dựng Văn hoá Công ty;

- Nội dung khác do HĐQT phân công hoặc Chủ tịch HĐQT uỷ quyền.

Ông Lê Xuân Sơn, Thành viên HĐQT chuyên trách:

Theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nội dung:

- Quan hệ cổ đông, truyền thông;

- Lĩnh vực Kỹ thuật Công nghệ, ESG;

- Lĩnh vực mua sắm, đầu tư, sản xuất;

- Tham gia chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Công ty và xây dựng Văn hoá Công ty theo lĩnh vực được phân công;

- Nội dung khác do HĐQT phân công hoặc Chủ tịch HĐQT uỷ quyền.

Bà Hà Thị Hoa, Thành viên HĐQT chuyên trách:

Theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nội dung:

- Lĩnh vực Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ của Công ty;

- Lĩnh vực Tài chính, kế toán;
- Lĩnh vực quản lý tài sản;
- Lĩnh vực pháp chế rủi ro;
- Tham gia chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Công ty và xây dựng Văn hoá Công ty theo lĩnh vực được phân công;
- Nội dung khác do HĐQT phân công hoặc Chủ tịch HĐQT uỷ quyền.

II. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

(có Tờ trình kèm theo)

III. Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành

1. Phương thức giám sát hoạt động của Ban điều hành

- Căn cứ Điều lệ Công ty, **Quy chế nội bộ về quản trị Công ty** và Quy chế hoạt động của HĐQT, HĐQT đã tiến hành giám sát tính hiệu quả và phù hợp trong hoạt động của Ban điều hành thông qua việc trao đổi, thảo luận với Giám đốc Công ty và Ban điều hành tại các cuộc họp HĐQT; đảm bảo các chính sách và định hướng hoạt động tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Trên cơ sở Ban điều hành báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đề xuất kiến nghị tại các kỳ họp định kỳ, HĐQT đã xem xét, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh từng Quý và đề ra kế hoạch thực hiện cho từng giai đoạn; đồng thời tạo mọi điều kiện cho Ban điều hành triển khai thực hiện có hiệu quả **các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và các nội dung công việc thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Công ty.**

2. Nhận xét đánh giá hoạt động của Ban điều hành

Căn cứ vào Báo cáo của Giám đốc về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, HĐQT ghi nhận và đánh giá kết quả hoạt động của Ban điều hành như sau:

2.1 Những việc đã làm được:

Trong năm 2024, Giám đốc Công ty và Ban điều hành đã có sự tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy chế hoạt động của Công ty.

Dưới sự chỉ đạo, điều hành của Giám đốc, Công ty đã đạt được một số mục tiêu kinh doanh được đề ra tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Các chủ trương của ĐHCĐ và HĐQT đã được Giám đốc và Ban điều hành Công ty triển khai. Công tác tài chính, kế toán, thống kê, kế hoạch, quản trị chi phí đã được chú trọng, tài sản và tiền vốn của Công ty được quản lý chặt chẽ.

Giám đốc đã chỉ đạo các phòng chức năng chú trọng kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm theo từng công đoạn, gắn trách nhiệm về chất lượng sản phẩm tới từng bộ phận sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và từng bước chú trọng đến công tác tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Các dịch vụ hậu cần phục vụ cho NMLD Dung Quất từng bước chú trọng về chiều sâu, chất lượng cũng như tính chuyên nghiệp của dịch vụ; khẳng định vị trí là một trong những đối tác chiến lược của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

Công tác phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong Công ty xây dựng một khối đoàn kết, thống nhất tuyệt đối trong tập thể đơn vị; chỉ đạo các bộ phận luôn quan tâm sâu sắc và chăm lo chu đáo cho đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty; tạo cơ chế khuyến khích người lao động phát huy tinh thần sáng tạo, nhiệt huyết trong công việc, tham gia tích cực và có đóng góp đáng kể cho các hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa...

Công tác công bố thông tin được thực hiện đúng quy định của Nhà nước đối với công ty đại chúng, có cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom.

Ban điều hành nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành hoạt động SXKD; đồng thời tham mưu và ban hành các văn bản quản lý nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của Công ty; Thực hiện tốt được vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành.

Các chế độ, chính sách đối với người lao động được Công ty thực hiện đúng quy định. Công tác thi đua khen thưởng đã kịp thời động viên cá nhân và tập thể có thành tích tốt, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2 Những việc còn hạn chế, khuyết điểm:

Bên cạnh những việc làm được đã nêu, HĐQT nhận thấy Ban điều hành vẫn còn một số việc chưa được giải quyết triệt để; cụ thể là:

Công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất bao bì nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng hơn phù hợp với năng lực sản xuất và nhu cầu thị trường cần phải được đầu tư hơn nữa.

Công tác thực hiện các chỉ đạo của HĐQT còn chậm, thiếu tính chủ động trong việc triển khai thực hiện dẫn đến hiệu quả chưa cao;

Công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu phát sinh.

Việc mở rộng quy mô, ngành nghề SXKD của Công ty, nắm bắt thông tin thị trường để kịp thời điều chỉnh kế hoạch và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh còn chậm và nhiều bất cập;

Công tác lao động tiền lương còn nhiều bất cập, chưa kịp thời điều chỉnh phù hợp với quy định để tạo điều kiện tốt nhất về việc làm và thu nhập của người lao động.

Phần thứ ba

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn thách thức và cơ hội thuận lợi như:

Khó khăn thách thức:

- Lạm phát có dấu hiệu tăng trở lại làm kinh tế thế giới nói chung, kinh tế Việt Nam nói riêng có nguy cơ cao bị suy thoái.
- Căng thẳng địa kinh tế, địa chính trị của các nước vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt, nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục diễn ra. Trong nước, biến động của giá dầu và nguyên liệu ngành bao bì nhựa vẫn ở mức cao, khó dự đoán;
- Các hợp đồng dịch vụ hậu cần giữa Công ty với BSR đã hết hạn, áp lực về đấu thầu và cạnh tranh giữa các nhà thầu khác, nhất là Hợp đồng vận chuyển, Hợp đồng chăm sóc cây xanh và Hợp đồng cung cấp Pallet...; trong trường hợp Công ty không trúng thầu cho những năm tiếp sẽ ảnh hưởng nhiều đến kết quả sản xuất kinh doanh và giải quyết nhân sự dôi dư liên quan đến các lĩnh vực này.
- Biến động giá cả của hạt nhựa PE sẽ ảnh hưởng đến giá thành và lợi nhuận của dòng bao PE 3 lớp; thị trường xuất khẩu tinh bột sắn vẫn chưa khởi sắc, nên ảnh hưởng rất lớn đến việc sản xuất bao dẹt PP

Những cơ hội thuận lợi:

- Dự báo nền kinh tế Việt Nam phục hồi và tăng trưởng hơn năm 2025;
- Luôn được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, định hướng kịp thời từ Công ty Mẹ (BSR) và các cổ đông;
- Đội ngũ cán bộ, người lao động Công ty ngày một nâng cao và chuyên nghiệp; các dịch vụ hậu cần ngày càng đang dạng và nâng cao về chất lượng; công tác nghiên cứu phát triển và cải tiến chất lượng sản phẩm bao bì đang được Ban điều hành chú trọng;
- Hệ thống quản trị của Công ty ngày càng được củng cố và hoàn thiện hơn, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành các hoạt động SXKD của Công ty.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đề ra nhiệm vụ cơ bản năm 2025:

- Bám sát các nội dung, định hướng phát triển Công ty theo chỉ đạo của BSR và tình hình thực tế thị trường để triển khai. Bên cạnh đó, Công ty cần nhận

diện những rủi ro, thách thức để xây dựng kịch bản ứng phó, đồng thời tìm kiếm động lực mới tăng trưởng cho các mảng sản xuất, kinh doanh, tận dụng cơ hội, triển khai đồng bộ các giải pháp. Tiến hành đổi mới tổ chức bộ máy và tái cơ cấu BSPPT theo hướng tinh gọn, nâng cao năng suất lao động là nhiệm vụ quan trọng tạo đà tăng trưởng cho năm 2025 và những năm tiếp theo.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

- Tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức, tinh gọn bộ máy điều hành nhằm tập trung trong quản lý, linh hoạt trong điều hành tổ chức sản xuất, tối ưu sử dụng chi phí và khai thác nguồn nhân lực, tăng hiệu quả, năng suất lao động; tập trung xác định biên lao động các bộ phận phù hợp với cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ làm cơ sở pháp lý sắp xếp lực lượng lao động hợp lý, hiệu quả;

- Chỉ đạo, phối hợp và giám sát Ban điều hành thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ sau:

1. Đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm

Tập trung rà soát công tác tối ưu hóa quy trình sản xuất bao bì, tiết kiệm chi phí, tìm thêm các nhà cung cấp mới, cơ cấu nguyên vật liệu đầu vào; giải pháp gia tăng tối đa công suất dây chuyền thiết bị của nhà máy, nghiên cứu sản xuất các loại sản phẩm mới để đa dạng hóa sản phẩm.

2. Đối với hoạt động thương mại

- Tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ hạt nhựa PP, ưu tiên hướng đến khách hàng trực tiếp sản xuất.

- Mở rộng kinh doanh các sản phẩm mới LPG, hóa phẩm xúc tác, vật tư, tổ chức sự kiện.

- Nghiên cứu và tiến hành sản xuất Pallet gỗ có thể mang lại hiệu quả cao hơn cho Công ty.

3. Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ hậu cần

- Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp, kiểm soát chặt chẽ chi phí để nâng cao năng lực cạnh tranh, đấu thầu của Công ty.

- Mở rộng thêm một số lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ hậu cần khác nhằm khai thác hiệu quả các nguồn lực của Công ty.

- Phối hợp với Chi ủy chỉ đạo các đoàn thể trong Công ty phát động người lao động tích cực thi đua góp phần hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2025.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành thực hiện thành công kế hoạch SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu cơ bản trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua:

Chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	817,3	1.237
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	796,9	1218,9
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20,4	18,1
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18,2	15,7
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	9,6	12,6
6	Đầu tư mua sắm	Tỷ đồng	0	48,83
7	Lao động BQ	Người	296	300
8	NSLĐBQ tính theo DT trừ chi phí chưa lương	Triệu đồng/người/tháng	15,99	14,05
9	Tiền lương bình quân NLĐ	Triệu đồng/người/tháng	9,24	8,13

Chỉ tiêu về đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2025	Ghi chú
1	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	48,83	
1.1	Đầu tư XDCB:	Tỷ đồng	5,00	
+	<i>Cải tạo khu nhà LK 231 đến LK 234 và LK 241 thành văn phòng làm việc của BSPPT</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>5,00</i>	
1.2	Mua sắm TTB và TSCĐ	Tỷ đồng	43,83	
+	<i>Mua sắm 08 xe ô tô 47 chỗ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>27,00</i>	
+	<i>Mua sắm 06 xe ô tô 7 chỗ + 02 xe 16 chỗ + 04 xe 29 chỗ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>16,83</i>	
2	Nguồn vốn	Tỷ đồng	48,83	
2.1	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>48,83</i>	

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2025	Ghi chú
2.2	<i>Vốn vay và khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>	-	
3	Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	48,83	
3.1	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>Tỷ đồng</i>	48,83	
3.2	<i>Vốn vay và khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>	-	

Phần thứ tư **MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT**

Nhằm đảm bảo tốt các điều kiện triển khai thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ đặt ra trong năm 2025 và những năm tiếp theo; Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận một số nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, Kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025; Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Quỹ tiền lương, Thù lao Người quản lý năm 2024 và Kế hoạch năm 2025; Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2024 và Kế hoạch năm 2025; Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán (*có các Báo cáo và Tờ trình kèm theo*).

2. Thông qua việc kiện toàn Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (*có Tờ trình kèm theo*).

3. Thông qua việc sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (*có Tờ trình kèm theo*).

4. Thông qua việc sửa đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty (*có Tờ trình kèm theo*).

5. Chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông (*có Tờ trình xin chấp thuận chủ trương ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan kèm theo*).

Hội đồng quản trị kính đề nghị các cổ đông, nhất là cổ đông chi phối tiếp tục hỗ trợ Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc ưu tiên sử dụng các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của Công ty, tạo điều kiện để Công ty tham gia cung cấp các dịch vụ trên nguyên tắc chất lượng, công khai, minh bạch và cạnh tranh.

Hội đồng quản trị kính trình và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Số: /TTr-HĐQT-BSPPT

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc xin phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024
và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của người quản lý Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 15/5/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2024;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình và xin ý kiến phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2025 một số nội dung sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý năm 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Ghi chú
1	Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách	2.818,32	3.381,98	Tăng quỹ tiền lương, thù lao do lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch
2	Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách	128,54	185,10	

Chi tiết tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

Stt	Bộ phận	Thực hiện năm 2024		Ghi chú
		Số người bình quân	Số tiền (đồng)	
I.	Hội đồng quản trị	4,40	1.640.126.206	
1	Chủ tịch (không chuyên trách)	1,00	104.231.683	
2	Thành viên kiêm Giám đốc	1,00	553.128.224	
3	Thành viên	2,00	948.219.814	
4	Thành viên (không chuyên trách)	0,40	34.546.485	

Stt	Bộ phận	Thực hiện năm 2024		Ghi chú
		Số người bình quân	Số tiền (đồng)	
II.	Ban kiểm soát	3,00	583.649.752	
1	Trưởng ban	1,00	284.465.944	
2	Thành viên	1,00	252.858.616	
3	Thành viên (không chuyên trách)	1,00	46.325.192	
III.	Ban Giám đốc	3,00	1.343.311.402	
1	Phó Giám đốc	2,00	948.219.814	
2	Kế toán trưởng	1,00	395.091.588	

2. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý năm 2025

Stt	Khoản mục	Số lượng (người)	Số tiền (triệu đồng)	Ghi chú
1	Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách	8,00	2.996,64	
2	Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách	2,00	205,06	

Trên cơ sở quy định của Nhà nước về tiền lương, thù lao của người quản lý và tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị quy định mức chi tiền lương và thù lao cho từng chức danh cụ thể theo Quy chế trả lương, thù lao cho người quản lý Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình và xin ý kiến Đại hội.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Mai Tuấn Đạt

Số: /TTr-HĐQT-BSPPT

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc xin phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2024
và kế hoạch phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 15/5/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2024;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình và xin ý kiến phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2025 một số nội dung sau:

1. Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế của năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

Lợi nhuận sau thuế	18.161.066.967
1. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi <i>(3,0 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động)</i>	8.188.674.187
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ <i>(1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý)</i>	422.748.000
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ và thưởng hoàn thành nhiệm vụ (chia cổ tức cho các cổ đông)	9.549.644.780
- Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn: 83,26%	7.951.159.780
- Khách sạn Cẩm Thành: 3,14%	299.750.000
- Nhóm cổ đông cá nhân: 13,6%	1.298.735.000

* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 5,45%

2. Kế hoạch phân chia lợi nhuận sau thuế của năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế	15.700,00
1. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2,0 tháng tiền lương bình quân kế hoạch của người lao động)	4.877,43
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ cho người quản lý (1,0 tháng tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý)	266,81
3. Lợi nhuận chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ vốn góp (Lợi nhuận còn lại sau khi đã trích lập các quỹ)	10.555,76

* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 6,02%

Hội đồng quản trị Công ty kính trình và xin ý kiến Đại hội.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Mai Tuấn Đạt



**CÔNG TY
CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ
THƯƠNG
MẠI DẦU KHÍ
BÌNH SƠN**

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO
BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU
KHÍ BÌNH SƠN
C=VN, S=QUẢNG NGÃI,
L=Bình Sơn, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
BÌNH SƠN,
OID.0.9.2342.19200300.1
00.1.1=MST:4300429492
2025.02.28
09:26:56
+07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN
(Trước đây là Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí)

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN

Thôn Phước Hòa, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn

Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1 - 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 - 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5 - 6

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

7

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

8 - 9

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Tuấn Đạt	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2024)
Ông Phạm Tuấn Anh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2024)
Ông Trần Xuân Thu	Thành viên
Ông Lê Xuân Sơn	Thành viên
Bà Hà Thị Hoa	Thành viên
Ông Phan Quốc Toàn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Phan Quốc Toàn	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2024)
Ông Trần Xuân Thu	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2024)
Ông Huỳnh Việt Cường	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Trịnh Văn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

112506
ÔNG T
TNHH
M TOA
LOIT
T NA
ĐA-T

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN

Thôn Phước Hòa, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn
Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phan Quốc Toàn
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2025

Số: 0491/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (trước đây là Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí, gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2025, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Xuân Ánh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 02 năm 2025

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2023-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		244.594.365.742	244.474.198.045
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	77.499.885.437	57.049.797.230
1. Tiền	111		26.627.203.987	14.877.115.780
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.872.681.450	42.172.681.450
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70.266.010.000	69.666.010.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	70.266.010.000	69.666.010.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.970.420.852	96.311.078.519
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	63.569.456.700	95.874.383.592
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		761.818	210.591.918
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.400.202.334	3.176.103.009
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(2.950.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	8	29.151.382.921	19.669.084.793
1. Hàng tồn kho	141		29.151.382.921	19.669.084.793
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.706.666.532	1.778.227.503
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.706.666.532	1.245.311.523
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	-	532.915.980
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.935.275.933	50.214.934.677
I. Tài sản cố định	220		39.747.733.906	46.421.674.931
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	39.747.733.906	46.421.674.931
- Nguyên giá	222		188.986.058.727	188.589.317.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149.238.324.821)	(142.167.642.887)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		93.106.000	93.106.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(93.106.000)	(93.106.000)
II. Tài sản dài hạn khác	260		4.187.542.027	3.793.259.746
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	4.187.542.027	3.793.259.746
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		288.529.641.675	294.689.132.722

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	96.086.706.642	102.899.396.635
I. Nợ ngắn hạn	310	96.020.706.642	102.833.396.635
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 11	84.731.044.896	88.860.905.565
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 12	824.721.715	4.009.057.755
3. Phải trả người lao động	314	5.240.240.570	5.218.565.137
4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	573.681.723	354.774.195
5. Phải trả ngắn hạn khác	319 13	3.237.973.831	2.500.032.089
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.413.043.907	1.890.061.894
II. Nợ dài hạn	330	66.000.000	66.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	66.000.000	66.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	192.442.935.033	191.789.736.087
I. Vốn chủ sở hữu	410 14	192.442.935.033	191.789.736.087
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	175.222.845.365	175.222.845.365
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	175.222.845.365	175.222.845.365
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	930.860.044	1.265.855.044
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	128.162.657	128.162.657
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	16.161.066.967	15.172.873.021
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	16.161.066.967	15.172.873.021
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	288.529.641.675	294.689.132.722

Nguyễn Thị Thúy Vân
Người lập biểu

Nguyễn Tấn Phát
Kế toán trưởngPhan Quốc Toàn
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	813.040.460.823	727.301.689.547
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		813.040.460.823	727.301.689.547
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	773.962.279.271	688.821.117.741
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		39.078.181.552	38.480.571.806
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	4.289.836.496	5.574.691.046
6. Chi phí tài chính	22		16.881.156	65.243.287
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.394.521	65.243.287
7. Chi phí bán hàng	25	21	4.880.867.754	4.491.517.220
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	17.803.871.217	22.080.046.982
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		20.666.397.921	17.418.455.363
10. Thu nhập khác	31		500.000	645.259.391
11. Chi phí khác	32		241.805.151	19.703.429
12. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(241.305.151)	625.555.962
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		20.425.092.770	18.044.011.325
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	2.264.025.803	1.371.138.304
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		18.161.066.967	16.672.873.021
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	791	662


Nguyễn Thị Thúy Vân
Người lập biểu

Nguyễn Tấn Phát
Kế toán trưởngPhan Quốc Toàn
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	20.425.092.770	18.044.011.325
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.070.681.934	12.325.973.810
Các khoản dự phòng	03	(2.950.000.000)	2.950.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(82.139.150)	(63.093.056)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.200.728.363)	(6.157.126.026)
Chi phí lãi vay	06	2.394.521	65.243.287
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	20.265.301.712	27.165.009.340
Thay đổi các khoản phải thu	09	32.773.935.954	5.218.008.090
Thay đổi hàng tồn kho	10	(9.482.298.128)	10.110.084.219
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.054.721.827)	14.643.043.563
Thay đổi chi phí trả trước	12	(855.637.290)	906.477.669
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.394.521)	(201.106.301)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.956.536.782)	(2.216.514.412)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.023.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.639.139.000)	(5.871.859.050)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	28.048.510.118	50.776.143.118
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(396.740.909)	(2.544.511.910)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	731.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.600.000.000)	(37.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	38.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.250.366.056	5.108.403.260
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	4.253.625.147	3.895.709.532

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.000.000.000	26.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.000.000.000)	(48.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.934.186.208)	(9.129.109.964)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.934.186.208)	(31.129.109.964)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	20.367.949.057	23.542.742.686
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	57.049.797.230	33.443.961.488
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	82.139.150	63.093.056
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	77.499.885.437	57.049.797.230



Nguyễn Thị Thúy Vân
Người lập biểu



Nguyễn Tấn Phát
Kế toán trưởng



Phan Quốc Toàn
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (gọi tắt là “Công ty”, tên trước đây là Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí, Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4300429492 ngày 02 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 09 tháng 8 năm 2024. Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết với mã chứng khoán là PBT.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 348 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 353).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán hạt nhựa;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sản xuất bao bì từ giấy Kraft;
- In ấn;
- Bán lẻ lương thực, đồ uống, nhiên liệu động cơ, sách, báo, văn phòng phẩm;
- Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; và
- Các dịch vụ hậu cần khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì, hạt nhựa và cung cấp các dịch vụ hậu cần.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hàng hóa mua ngoài, giá gốc hàng hóa mua vào bao gồm: Giá mua, chi phí thu mua (vận chuyển, bốc xếp, bảo quản hàng từ nơi mua về kho doanh nghiệp, chi phí bảo hiểm,...), các loại thuế, phí (nếu có). Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 23
Máy móc, thiết bị	3 - 13
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị quản lý	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.



Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán, bao gồm chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, chi phí bảo hiểm, chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán cho hàng hóa hay dịch vụ cho thuê chưa được cung cấp hoặc chuyển giao. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động sản xuất kinh doanh khác và thuế suất 10% tính trên thu nhập chịu thuế cho dự án Nhà máy Sản xuất Bao bì Polypropylene trong thời hạn 15 năm kể từ ngày dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2011); được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2024 là năm thứ chín (9) Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	82.205.059	49.028.541
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	26.544.998.928	14.828.087.239
Các khoản tương đương tiền (ii) (iii) (iv)	50.872.681.450	42.172.681.450
	77.499.885.437	57.049.797.230

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư tiền gửi không kỳ hạn bao gồm khoản tiền tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại - Chi nhánh Quảng Ngãi (trước đây là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi) với giá trị 128.737.873 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 128.737.873 VND) là tiền gửi từ ngày 30 tháng 9 năm 2015 trở về trước đang tạm ngừng giao dịch. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.
- (ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,6%/năm đến 3,55%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 2,1%/năm đến 3,5%/năm).
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Hiện đại - Chi nhánh Quảng Ngãi với giá trị là 102.681.450 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 102.681.450 VND) đang tạm ngừng giao dịch. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.
- (iv) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 2 khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất với số tiền 5.000.000.000 VND và 1.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.000.000.000 VND) được dùng để ký quỹ bảo lãnh cho hợp đồng dịch vụ giữa Công ty và Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	70.266.010.000	70.266.010.000	69.666.010.000	69.666.010.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng với lãi suất từ 2,9%/năm đến 5,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 4,4%/năm đến 7,8%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất bao gồm:

- Khoản tiền gửi với số tiền 10.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000.000.000 VND) được dùng để ký quỹ bảo lãnh cho hợp đồng dịch vụ giữa Công ty và Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;
- Khoản tiền gửi với số tiền 5.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.000.000.000 VND) được dùng để ký quỹ cho hợp đồng cho thuê nhân công giữa Công ty và Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn..

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	26.411.414.194	22.534.284.414
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	18.411.539.362	-
Công ty Cổ phần Á Đông ADG	7.860.345.922	-
Công ty Cổ phần Nhựa Xanh Bạch Đằng	4.495.046.858	-
Công ty Cổ phần Kanetora (trước đây là Công ty Cổ phần Kanetora Việt Nam)	2.508.155.288	38.801.581.411
Công ty Cổ phần KVN Logistics	-	11.892.382.411
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thái Bình Dương	-	6.251.660.415
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Phúc	-	5.900.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.882.955.076	10.494.474.941
	63.569.456.700	95.874.383.592
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 24)	26.431.414.194	22.554.284.414

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi tiền gửi dự thu	1.980.651.501	3.030.289.194
Tạm ứng cho cán bộ, nhân viên	212.000.000	-
Phải thu khác	207.550.833	145.813.815
	2.400.202.334	3.176.103.009
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 24)	451.326.028	803.109.587

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.787.096.268	-	10.465.207.168	-
Công cụ, dụng cụ	2.896.255.474	-	2.814.890.426	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	677.183.920	-	1.446.074.005	-
Thành phẩm	11.055.499.356	-	4.942.913.194	-
Hàng hoá	4.735.347.903	-	-	-
	29.151.382.921	-	19.669.084.793	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ ngắn hạn	606.332.026	421.131.206
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	537.371.259	396.357.678
Chi phí mua bảo hiểm	196.351.929	266.669.674
Khác	366.611.318	161.152.965
	1.706.666.532	1.245.311.523
b. Dài hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ dài hạn	1.807.480.994	1.601.240.695
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	2.103.110.431	1.866.904.021
Khác	276.950.602	325.115.030
	4.187.542.027	3.793.259.746

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	85.272.151.850	73.997.119.784	29.005.840.274	314.205.910	188.589.317.818
Tăng trong năm	-	238.850.000	-	157.890.909	396.740.909
Số dư cuối năm	85.272.151.850	74.235.969.784	29.005.840.274	472.096.819	188.986.058.727
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	52.474.652.540	69.807.226.709	19.674.700.601	211.063.037	142.167.642.887
Khấu hao trong năm	3.166.369.438	1.124.561.571	2.717.459.052	62.291.873	7.070.681.934
Số dư cuối năm	55.641.021.978	70.931.788.280	22.392.159.653	273.354.910	149.238.324.821
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	32.797.499.310	4.189.893.075	9.331.139.673	103.142.873	46.421.674.931
Tại ngày cuối năm	29.631.129.872	3.304.181.504	6.613.680.621	198.741.909	39.747.733.906

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 86.024.968.985 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 84.134.548.701 VND).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	68.314.596.319	68.314.596.319	80.143.704.244	80.143.704.244
Phải trả cho các đối tượng khác	16.416.448.577	16.416.448.577	8.717.201.321	8.717.201.321
	84.731.044.896	84.731.044.896	88.860.905.565	88.860.905.565
Trong đó:				
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 24)	69.840.802.110	69.840.802.110	81.527.721.756	81.527.721.756

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Tiền thuê đất	532.915.980	532.915.980	-	-
	532.915.980	532.915.980	-	-
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	2.880.693.585	4.834.514.344	7.286.758.055	428.449.874
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.044.315.456	2.264.025.803	2.956.536.782	351.804.477
Thuế thu nhập cá nhân	84.048.714	595.170.066	634.751.416	44.467.364
Tiền thuê đất	-	1.243.470.619	1.243.470.619	-
Thuế, phí khác	-	7.908.345	7.908.345	-
	4.009.057.755	8.945.089.177	12.129.425.217	824.721.715

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.831.198.150	2.100.000.000
Kinh phí công đoàn	145.046.789	143.438.636
Cổ tức phải trả	6.687.868	6.127.068
Các khoản phải trả, phải nộp khác	255.041.024	250.466.385
	3.237.973.831	2.500.032.089

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	12.290.316.087	190.572.379.153
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	16.672.873.021	16.672.873.021
Trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(2.839.165.970)	(2.839.165.970)
Trích Quỹ thưởng cán bộ quản lý từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(322.040.153)	(322.040.153)
Chia cổ tức năm 2022	-	-	-	(9.129.109.964)	(9.129.109.964)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Giảm khác	-	(1.665.200.000)	-	-	(1.665.200.000)
Số dư đầu năm nay	175.222.845.365	1.265.855.044	128.162.657	15.172.873.021	191.789.736.087
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	18.161.066.967	18.161.066.967
Trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023 (i)	-	-	-	(3.162.121.013)	(3.162.121.013)
Trích Quỹ thưởng cán bộ quản lý từ lợi nhuận năm 2023 (i)	-	-	-	(411.000.000)	(411.000.000)
Chia cổ tức năm 2023 (i)	-	-	-	(11.599.752.008)	(11.599.752.008)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024 (ii)	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Giảm khác	-	(334.995.000)	-	-	(334.995.000)
Số dư cuối năm	175.222.845.365	930.860.044	128.162.657	16.161.066.967	192.442.935.033

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-PVBLD ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 4.662.121.013 VND (Công ty đã tạm trích trong năm 2023 số tiền 1.500.000.000 VND nên trích bổ sung trong năm nay là 3.162.121.013 VND), trích Quỹ thưởng cán bộ quản lý: 411.000.000 VND, chia cổ tức bằng tiền: 11.599.752.008 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023.
- (ii) Trong năm, Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024 với số tiền là 2.000.000.000 VND.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.522.284	17.522.284
Cổ phiếu phổ thông	17.522.284	17.522.284
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.522.284	17.522.284
Cổ phiếu phổ thông	17.522.284	17.522.284

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 23 ngày 09 tháng 8 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 175.222.840.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	145.892.845.365	83,26	145.892.845.365	83,26
Ông Nguyễn Anh Triển	12.750.000.000	7,28	12.750.000.000	7,28
Khách sạn Cẩm Thành	5.500.000.000	3,14	5.500.000.000	3,14
Các cổ đông khác	11.080.000.000	6,32	11.080.000.000	6,32
	175.222.845.365	100	175.222.845.365	100

15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cam kết thuê hoạt động

- (i) Công ty là bên đi thuê

Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	1.598.728.972	1.598.728.972
Trên 1 năm đến 5 năm	6.394.915.886	6.394.915.886
Trên 5 năm	29.176.803.730	30.775.532.701
	37.170.448.588	38.769.177.559

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện giá trị phải thanh toán theo các hợp đồng thuê đất dài hạn và các phụ lục đã ký kết phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại phường Trần Phú và phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi với thời hạn thuê trong 32 năm, đến hết tháng 3 năm 2048.

(ii) Công ty là bên cho thuê

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các hợp đồng cho thuê nhà dài hạn tại Khu tập thể đề bao sông Trà Khúc và Khu tập thể Vạn Tường; các hợp đồng cho thuê tài sản với thời hạn thuê từ 01 năm đến 10 năm. Giá thuê được quy định cụ thể theo từng hợp đồng đối với các khách hàng thuê.

Cam kết đầu tư

Theo Nghị quyết số 362/NQ-BSR ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn về việc chấp thuận Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty, nhu cầu đầu tư mua sắm của Công ty trong năm 2025 là khoảng 48,83 tỷ VND.

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	107.232,71	57.078,58

Nợ khó đòi đã xử lý

Trong năm 2021, Công ty đã xóa sổ 504.814.246 VND nợ khó đòi do không có khả năng thu hồi theo Quyết định số 25/QĐ-HĐQT-PVBLD ngày 13 tháng 10 năm 2021 trong đó bao gồm các khoản phải thu Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung và Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chỉ thực hiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất bao bì và các lĩnh vực khác (kinh doanh hạt nhựa, cho thuê nhà, dịch vụ quản lý nhà, vận chuyển...) và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Công ty không theo dõi riêng tài sản, nợ phải trả bộ phận. Công ty theo dõi doanh thu, chi phí và kết quả của từng bộ phận như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Chỉ tiêu	Sản xuất bao bì VND	Thương mại và dịch vụ khác VND	Tổng VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ cung cấp	84.451.960.406	728.588.500.417	813.040.460.823
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	66.203.479.146	707.758.800.125	773.962.279.271
3. Chi phí bán hàng	2.521.417.347	2.359.450.407	4.880.867.754
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.554.488.346	15.249.382.871	17.803.871.217
5. Doanh thu hoạt động tài chính	-	4.289.836.496	4.289.836.496
6. Chi phí tài chính	-	16.881.156	16.881.156
7. Thu nhập khác	-	500.000	500.000
8. Chi phí khác	-	241.805.151	241.805.151
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.172.575.567	7.252.517.203	20.425.092.770

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Chỉ tiêu	Sản xuất bao bì	Thương mại và dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ cung cấp	100.810.444.204	626.491.245.343	727.301.689.547
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	79.468.750.353	609.352.367.388	688.821.117.741
3. Chi phí bán hàng	2.634.978.365	1.856.538.855	4.491.517.220
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.371.322.098	18.708.724.884	22.080.046.982
5. Doanh thu hoạt động tài chính	-	5.574.691.046	5.574.691.046
6. Chi phí tài chính	-	65.243.287	65.243.287
7. Thu nhập khác	-	645.259.391	645.259.391
8. Chi phí khác	-	19.703.429	19.703.429
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.335.393.388	2.708.617.937	18.044.011.325

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hạt nhựa	604.775.676.327	511.386.825.366
Doanh thu sản phẩm Nhà máy Bao bì	84.451.960.406	100.810.444.204
Doanh thu bán pallet	36.649.800.000	44.115.500.000
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	34.582.087.556	31.855.690.474
Doanh thu dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	23.938.725.831	18.212.007.311
Doanh thu dịch vụ khác	28.642.210.703	20.921.222.192
	813.040.460.823	727.301.689.547
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết trình bày ở Thuyết minh số 24)	174.117.140.100	181.513.237.997

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hạt nhựa	598.297.719.017	506.107.349.955
Giá vốn sản phẩm Nhà máy Bao bì	66.203.479.146	79.468.750.353
Giá vốn bán pallet	35.242.854.538	42.421.954.532
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	28.978.252.817	26.321.619.915
Giá vốn dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	21.048.279.910	16.955.678.196
Giá vốn dịch vụ khác	24.191.693.843	17.545.764.790
	773.962.279.271	688.821.117.741

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.534.032.275	67.525.682.298
Chi phí nhân công	51.472.945.806	46.392.026.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.070.681.934	12.325.973.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.561.593.188	29.437.028.573
Chi phí dự phòng	(2.950.000.000)	2.950.000.000
Chi phí khác bằng tiền	12.980.585.678	6.578.414.278
	166.669.838.881	165.209.125.293

20. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	4.200.728.363	5.511.597.990
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	82.139.150	63.093.056
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.968.983	-
	4.289.836.496	5.574.691.046

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	2.389.101.034	2.202.063.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.716.061	121.475.154
Chi phí khác	2.237.050.659	2.167.978.369
	4.880.867.754	4.491.517.220
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	12.128.409.310	11.529.805.216
Chi phí vật liệu quản lý	915.298.090	701.263.768
Chi phí công cụ, dụng cụ	273.405.592	212.159.033
Chi phí khấu hao tài sản cố định	966.638.339	1.244.052.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.759.512.781	2.378.267.095
Chi phí khác	3.710.607.105	3.064.499.446
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(2.950.000.000)	2.950.000.000
	17.803.871.217	22.080.046.982

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	20.425.092.770	18.044.011.325
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	792.970.879	334.180.239
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	21.218.063.649	18.378.191.564
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	8.020.817.468	3.014.858.175
Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi (*)	13.197.246.181	15.363.333.389
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.923.888.112	2.139.304.974
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(659.862.309)	(768.166.670)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.264.025.803	1.371.138.304

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ hai ngày 04 tháng 01 năm 2016, Công ty được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene. Dự án được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm kể từ ngày dự án bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2011), được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Năm 2024 là năm thứ chín (9) Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	18.161.066.967	16.672.873.021
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(4.068.860.000)	(4.662.121.013)
Trích Quỹ thưởng Cán bộ quản lý (VND) (*)	(234.860.000)	(411.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	13.857.346.967	11.599.752.008
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	17.522.284	17.522.284
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	791	662

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty ước tính số tiền trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng cán bộ quản lý được trích từ lợi nhuận sau thuế phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 dựa trên số liệu kế hoạch năm 2024 được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-PVBLD ngày 15 tháng 5 năm 2024.

Đồng thời, Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng cán bộ quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bằng số trích năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 15 tháng 5 năm 2024.

Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày lại như sau:

	Năm trước (trình bày lại)	Năm trước (đã báo cáo)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	16.672.873.021	16.672.873.021
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(4.662.121.013)	(3.396.250.000)
Trích Quỹ thưởng Cán bộ quản lý (VND)	(411.000.000)	(256.460.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	11.599.752.008	13.020.163.021
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	17.522.284	17.522.284
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	662	743

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của cả Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty mẹ
Ông Nguyễn Anh Triễn	Cổ đông
Khách sạn Cẩm Thành	Cổ đông
Nhóm cổ đông cá nhân	Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải khí Đông Dương	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	173.789.867.375	181.295.056.181
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	218.181.816	218.181.816
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	109.090.909	-
	174.117.140.100	181.513.237.997
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	600.224.850.157	507.613.990.885
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	13.216.070.457	14.195.038.635
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOil Miền Trung	3.111.932.959	3.105.266.818
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	2.153.750.000	2.208.970.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	35.033.042	-
Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	503.107.042	583.530.611
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	180.440.113	158.993.026
	619.425.183.770	527.865.789.975
Lãi tiền gửi		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	804.968.578	1.176.472.178
Chia cổ tức		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	9.658.106.008	7.601.016.964
Khách sạn Cẩm Thành	364.100.000	286.550.000
Ông Nguyễn Anh Triễn	844.050.000	664.275.000
Nhóm cổ đông cá nhân	733.496.000	577.268.000
	11.599.752.008	9.129.109.964

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	9.042.495.954	24.246.655
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	17.100.000.000	17.100.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	26.411.414.194	22.534.284.414
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	20.000.000	20.000.000
	26.431.414.194	22.554.284.414
Phải thu khác ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	451.326.028	803.109.587
	451.326.028	803.109.587
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	68.314.596.319	80.143.704.244
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	704.857.091	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	520.128.000	777.600.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOil miền Trung	301.220.700	574.032.050
Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	-	32.385.462
	69.840.802.110	81.527.721.756

Tổng thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Mai Tuấn Đạt	26.057.921	-
Ông Phạm Tuấn Anh	78.173.762	107.769.884
Bà Hà Thị Hoa	474.109.907	373.655.220
Ông Trần Xuân Thu	34.546.485	-
Ông Lê Xuân Sơn	474.109.907	475.248.114
Ban Giám đốc		
Ông Phan Quốc Toàn	219.994.180	-
Ông Trần Xuân Thu	333.134.044	554.456.134
Ông Huỳnh Việt Cường	474.109.907	475.248.114
Ông Huỳnh Trịnh Văn	474.109.907	475.248.114
Ban Kiểm soát		
Bà Đỗ Thị Phương Thúy	284.465.944	285.148.868
Ông Phan Bá Công	46.325.192	47.897.726
Bà Phạm Thanh Thảo	252.858.616	253.465.661
Kế toán Trưởng		
Ông Nguyễn Tấn Phát	395.091.588	396.040.095

25. NGHĨA VỤ HOÀN NGUYÊN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời gian kết thúc dự án của Nhà máy Sản xuất Bao bì PolyPropylene và Khu tập thể đê bao sông Trà Khúc. Công ty đánh giá rằng, chi phí liên quan đến việc hoàn trả nguyên trạng các khu đất thuê không được ước tính một cách đáng tin cậy do chưa có đủ thông tin và phương pháp ước tính chi phí phù hợp. Do đó, Công ty không ghi nhận dự phòng liên quan đến nghĩa vụ hoàn trả nguyên trạng các khu đất trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

26. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 1.980.651.501 VND (năm trước: 3.030.289.194 VND) là số tiền lãi của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong năm chưa thực thu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Nguyễn Thị Thúy Vân
Người lập biểu



Nguyễn Tấn Phát
Kế toán trưởng



Phan Quốc Toàn
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ BÌNH SƠN

Số: /TTr-HĐQT-BSPPT

DỰ THẢO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc xin thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình sơn được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/05/2024;

Căn cứ Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-HĐQT-BSPPT ngày 15/05/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán theo đúng chuẩn mực, đồng thời đã được công bố thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán theo quy định vào ngày 28/02/2025, bao gồm:

- (1) Báo cáo của Ban giám đốc;
- (2) Báo cáo kiểm toán độc lập;
- (3) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024;
- (4) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024;
- (5) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024;
- (6) Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024;

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

1. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN		Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	244.594.365.742	244.474.198.045
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	77.499.885.437	57.049.797.230
	1. Tiền	111	26.627.203.987	14.877.115.780

TÀI SẢN		Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
	2. Các khoản tương đương tiền	112	50.872.681.450	42.172.681.450
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	70.266.010.000	69.666.010.000
	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	70.266.010.000	69.666.010.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	65.970.420.852	96.311.078.519
	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	63.569.456.700	95.874.383.592
	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	761.818	210.591.918
	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	2.400.202.334	3.176.103.009
	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	-	(2.950.000.000)
IV.	Hàng tồn kho	140	29.151.382.921	19.669.084.793
	1. Hàng tồn kho	141	29.151.382.921	19.669.084.793
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	1.706.666.532	1.778.227.503
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.706.666.532	1.245.311.523
	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	532.915.980
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	43.935.275.933	50.214.934.677
I.	Tài sản cố định	220	39.747.733.906	46.421.674.931
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	39.747.733.906	46.421.674.931
	- Nguyên giá	222	188.986.058.727	188.589.317.818
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(149.238.324.821)	(142.167.642.887)
	- Nguyên giá	228	93.106.000	93.106.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(93.106.000)	(93.106.000)
II.	Tài sản dài hạn khác	260	4.187.542.027	3.793.259.746
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.187.542.027	3.793.259.746
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270	288.529.641.675	294.689.132.722

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300	96.086.706.642	102.899.396.635
I.	Nợ ngắn hạn	310	96.020.706.642	102.833.396.635
	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	84.731.044.896	88.860.905.565
	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-	-
	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	824.721.715	4.009.057.755
	4. Phải trả người lao động	314	5.240.240.570	5.218.565.137
	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		
	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	573.681.723	354.774.195
	7. Phải trả ngắn hạn khác	319	3.237.973.831	2.500.032.089
	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-	-
	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.413.043.907	1.890.061.894
II.	Nợ dài hạn	330	66.000.000	66.000.000
	1. Phải trả dài hạn khác	337	66.000.000	66.000.000

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	192.442.935.033	191.789.736.087
I.	Vốn chủ sở hữu	410	192.442.935.033	191.789.736.087
	1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	175.222.845.365	175.222.845.365
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	175.222.845.365	175.222.845.365
	2. Quỹ đầu tư phát triển	418	930.860.044	1.265.855.044
	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	128.162.657	128.162.657
	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	16.161.066.967	15.172.873.021
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	16.161.066.967	15.172.873.021
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440	288.529.641.675	294.689.132.722

2. Báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	813.040.460.823	727.301.689.547
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	813.040.460.823	727.301.689.547
3. Giá vốn hàng bán	11	773.962.279.271	688.821.117.741
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	39.078.181.552	38.480.571.806
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.289.836.496	5.574.691.046
6. Chi phí tài chính	22	16.881.156	65.243.287
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2.394.521	65.243.287
7. Chi phí bán hàng	25	4.880.867.754	4.491.517.220
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17.803.871.217	22.080.046.982
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30	20.666.397.921	17.418.455.363
10. Thu nhập khác	31	500.000	645.259.391
11. Chi phí khác	32	241.805.151	19.703.429
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(241.305.151)	625.555.962
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	20.425.092.770	18.044.011.325
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.264.025.803	1.371.138.304

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	18.161.066.967	16.672.873.021
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	791	662

3. Ý kiến của Công ty kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Mai Tuấn Đạt

Số: /BC-BKS

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2025

DỰ THẢO

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 15/5/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn,

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau đây:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2024

1. Nhân sự Ban kiểm soát

Nhân sự Ban kiểm soát trong năm 2024 gồm có 03 thành viên:

- | | |
|-------------------------|--------------|
| - Bà Đỗ Thị Phương Thúy | - Trưởng ban |
| - Bà Phạm Thanh Thảo | - Thành viên |
| - Ông Phan Bá Công | - Thành viên |

2. Hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát

a) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, trong năm 2024 Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành;
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số cuộc họp khác của Công ty, đóng góp ý kiến đảm bảo tính độc lập, khách quan và minh bạch;
- Thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trình Đại hội đồng cổ đông;
- Tổ chức các cuộc họp của Ban kiểm soát để tổng kết, đánh giá kết quả công việc đã thực hiện trong kỳ và xây dựng kế hoạch hoạt động cho kỳ tiếp theo;

- Thực hiện kiểm tra, soát xét trực tiếp về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty; so sánh với cùng kỳ năm 2023 và kế hoạch năm 2024, trên cơ sở đó đưa ra các kiến nghị, khuyến nghị cụ thể;

- Kiểm tra tính tuân thủ và phù hợp theo quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty trong các công tác: hạch toán kế toán, quản lý tài chính, đầu tư mua sắm, công tác bán hàng và quản lý chung, ...

- Xem xét, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên/năm của Công ty;

- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo quy định.

b) Hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát:

- Bà **Đỗ Thị Phương Thúy**: Phụ trách chung công việc của Ban kiểm soát; kiểm tra, giám sát tình hình huy động và sử dụng vốn, công tác đầu tư và mua sắm tài sản, hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty.

- Bà **Phạm Thanh Thảo**: Kiểm tra, giám sát hoạt động công bố thông tin, nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, tình hình sử dụng Quỹ lương và các Quỹ khác của Công ty, hoạt động kinh doanh thương mại, công tác bán hàng và quản lý.

- Ông **Phan Bá Công**: Kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm của Nhà máy sản xuất bao bì.

c) Kết quả thực hiện công việc:

Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát làm việc chủ động, tích cực phối hợp công việc với Hội đồng quản trị và Ban điều hành, hoàn thành kế hoạch và các nhiệm vụ theo quy định.

3. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tổ chức 05 cuộc họp trong năm 2024, chi tiết như sau:

Stt	Số Biên bản	Ngày họp	Nội dung cuộc họp	Tỷ lệ TV BKS dự họp	Tỷ lệ TV BKS tán thành
1	01/BB-BKS	08/03/2024	Thông nhất kết quả kiểm tra tình hình hoạt động của PV Building và các kiến nghị của BKS trong năm 2023	100%	100%
2	02/BB-BKS	22/03/2024	Tổng kết hoạt động của BKS và thống nhất các nội dung liên quan trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%	100%
3	03/BB-BKS	03/05/2023	Tổng kết các nội dung về tình hình hoạt động của PV Building trong Quý 1 năm 2024, Kế hoạch hoạt động của BKS trong Quý 2 năm 2024	100%	100%
4	04/BB-BKS	07/08/2024	Thông nhất kết quả kiểm tra tình hình hoạt động của BSPPT và các kiến nghị của BKS trong 6 tháng đầu năm 2024	100%	100%
5	05/BB-BKS	28/10/2024	Tổng kết các nội dung về tình hình hoạt động của BSPPT trong Quý 3 năm 2024, Kế hoạch hoạt động của BKS trong Quý 4 năm 2024	100%	100%

4. Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát được chi trả theo quy định của Công ty. Tổng tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2024 là 583.649.752 đồng, trong đó:

- Bà Đỗ Thị Phương Thuý: 284.465.944 đồng;
- Bà Phạm Thanh Thảo: 252.858.616 đồng;
- Ông Phan Bá Công: 46.325.192 đồng.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2024

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và chuyên đề theo quy định của Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã ban hành 20 Nghị quyết để thông qua nhiều nội dung thuộc thẩm quyền và ban hành nhiều Quyết định quan trọng khác, tất cả đều đảm bảo tính hợp lệ, trình tự thủ tục ban hành đúng quy định. Thông tin chi tiết các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị được trình bày tại Báo cáo số 05/BC-HĐQT-BSPPT ngày 24/01/2025 về tình hình quản trị Công ty năm 2024 và đã công bố trên website Công ty.

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Ban điều hành trong việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động công bố thông tin và các hoạt động khác của Công ty; chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực, chuyển đổi số, cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm,...

Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024 tuân thủ và phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Hoạt động của Ban điều hành

Triển khai Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 15/5/2024 và bám sát các chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, tập trung điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nhiều giải pháp cố gắng tháo gỡ khó khăn, tối ưu chi phí, tăng cường hợp tác và phát triển thị trường, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ kịp thời và trung thực.

Dưới sự điều hành của Giám đốc, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận đạt mức tăng trưởng, qua đó đảm bảo lợi ích cho cổ đông và từng bước cải thiện thu nhập cho người lao động.

Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Ban điều hành trong năm 2024 là tích cực, chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh linh hoạt, đáp ứng nhanh những biến động của thị trường, tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

III. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Việc phối hợp hoạt động, trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban điều hành được thực hiện bằng hình thức trao đổi trực tiếp và văn bản, dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng và tuân thủ các quy định.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty, các kiến nghị của Ban kiểm soát được triển khai đến từng bộ phận.

Trong năm 2024, không có văn bản nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề trong công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các mặt hoạt động của Công ty.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH, GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam, phát hành ngày 25/02/2025 và được công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán.

Qua thẩm định, Ban kiểm soát xác nhận rằng Báo cáo tài chính năm 2024 sau kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

2. Tình hình tài chính năm 2024

Tổng tài sản (tổng nguồn vốn) của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 288,53 tỷ đồng, giảm 6,16 tỷ đồng (giảm 2%) so với đầu năm. Tình hình biến động các chỉ tiêu như sau:

Dvt: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số cuối năm (31/12/2024)	Số đầu năm (01/01/2024)	Tăng/Giảm		Tỷ trọng (%TTS)
				Giá trị	Tỷ lệ	
I	Tổng tài sản	288.529.641.675	294.689.132.722	- 6.159.491.047	-2%	100%
1	Tài sản ngắn hạn	244.594.365.742	244.474.198.045	120.167.697	0%	85%
	- Tiền và các khoản TĐ tiền	77.499.885.437	57.049.797.230	20.450.088.207	36%	
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.266.010.000	69.666.010.000	600.000.000	1%	
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	65.970.420.852	96.311.078.519	- 30.340.657.667	-32%	
	- Hàng tồn kho	29.151.382.921	19.669.084.793	9.482.298.128	48%	
	- Tài sản ngắn hạn khác	1.706.666.532	1.778.227.503	- 71.560.971	-4%	
2	Tài sản dài hạn	43.935.275.933	50.214.934.677	- 6.279.658.744	-13%	15%
	- Tài sản cố định	39.747.733.906	46.421.674.931	- 6.673.941.025	-14%	
	- Tài sản dài hạn khác	4.187.542.027	3.793.259.746	394.282.281	10%	

Stt	Chỉ tiêu	Số cuối năm (31/12/2024)	Số đầu năm (01/01/2024)	Tăng/Giảm		Tỷ trọng (%TTS)
				Giá trị	Tỷ lệ	
II	Tổng nguồn vốn	288.529.641.675	294.689.132.722	- 6.159.491.047	-2%	100%
1	Nợ phải trả	96.086.706.642	102.899.396.635	- 6.812.689.993	-7%	33%
	- Nợ ngắn hạn	96.020.706.642	102.833.396.635	- 6.812.689.993	-7%	
	- Nợ dài hạn	66.000.000	66.000.000	-	0%	
2	Vốn chủ sở hữu	192.442.935.033	191.789.736.087	653.198.946	0%	67%
	- Vốn góp của chủ sở hữu	175.222.845.365	175.222.845.365	-	0%	
	- Quỹ đầu tư phát triển	930.860.044	1.265.855.044	- 334.995.000	-26%	
	- Quỹ khác thuộc VCSH	128.162.657	128.162.657	-	0%	
	- LNST chưa phân phối	16.161.066.967	15.172.873.021	988.193.946	7%	

a) Cơ cấu tài sản:

Bao gồm tài sản ngắn hạn chiếm 85% và tài sản dài hạn chiếm 15%.

- **Tài sản ngắn hạn:** 244,59 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,12 tỷ đồng so với đầu năm. Trong đó:

+ Tiền và các khoản tương đương tiền 77,50 tỷ đồng, tăng 20,45 tỷ đồng (tăng 36%). Đầu tư tài chính ngắn hạn 70,27 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,6 tỷ đồng (tăng 1%). Công ty có năng lực tài chính tốt với tổng các khoản tiền gửi ngân hàng tại thời điểm cuối năm 2024 đạt gần 148 tỷ đồng tương đương 51% tổng tài sản.

+ Các khoản phải thu ngắn hạn 65,97 tỷ đồng, giảm 30,34 tỷ đồng (giảm 32%) chủ yếu do giảm nợ phải thu khách hàng. Công tác theo dõi đơn đốc công nợ được thực hiện thường xuyên và có sự phối hợp giữa các phòng/bộ phận trong Công ty. Trong năm Công ty đã thu hồi được nợ phải thu khó đòi và thực hiện hoàn nhập dự phòng theo quy định.

+ Hàng tồn kho 29,15 tỷ đồng, tăng 9,48 tỷ đồng (tăng 48%) chủ yếu do tăng thành phẩm tồn kho (bao chứa hạt nhựa) và hàng hóa tồn kho (hạt nhựa PP).

+ Tài sản ngắn hạn khác gồm các chi phí trả trước ngắn hạn 1,71 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng nhỏ 1% trong tổng tài sản của Công ty.

- **Tài sản dài hạn:** 43,94 tỷ đồng, giảm 6,28 tỷ đồng (giảm 13%) so với đầu năm. Trong đó:

+ Tài sản cố định 39,75 tỷ đồng, giảm 6,67 tỷ đồng (giảm 14%) chủ yếu do giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản tăng; tại thời điểm cuối năm, tổng giá trị đã trích khấu hao là 149,33 tỷ đồng tương đương 71% nguyên giá.

+ Tài sản dài hạn khác gồm các chi phí trả trước dài hạn 4,19 tỷ đồng, tăng 0,39 tỷ đồng (tăng 10%) so với đầu năm.

b) Cơ cấu nguồn vốn:

Bao gồm nợ phải trả chiếm 33% và vốn chủ sở hữu chiếm 67%.

- **Nợ phải trả:** 96,09 tỷ đồng, giảm 6,81 tỷ đồng (giảm 7%) so với đầu năm. Nợ phải trả chủ yếu là nợ phải trả nhà cung cấp trong ngắn hạn, Công ty không có nợ vay ngân hàng tại thời điểm cuối năm.

- **Vốn chủ sở hữu:** 192,44 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,65 tỷ đồng so với đầu năm. Trong đó:

+ Vốn góp của chủ sở hữu 175,22 tỷ đồng và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu 0,13 tỷ đồng, số dư không thay đổi so với đầu năm.

+ Quỹ đầu tư phát triển 0,93 tỷ đồng, giảm 0,33 tỷ đồng (giảm 26%) do Công ty thực hiện chi trả cho cổ đông trên cơ sở đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua Phương án xử lý Quỹ đầu tư phát triển.

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 16,16 tỷ đồng, tăng 0,99 tỷ đồng (tăng 7%). Công ty đã thực hiện phân chia Lợi nhuận sau thuế năm 2023 tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; đã thực hiện tạm trích 02 tỷ đồng vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế năm 2024.

3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Tổng kết một số chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện Năm 2024	So với KH 2024		So với TH 2023	
				Kế hoạch Năm 2024	Tỷ lệ	Thực hiện Năm 2023	Tỷ lệ
I	Sản lượng tiêu thụ						
1	Hạt nhựa PP	Tấn	24.941	20.000	125%	22.354	112%
2	Pallet gỗ	Cái	108.000	118.000	92%	130.000	83%
3	Bao chứa hạt nhựa	Triệu bao	5,70	5,50	104%	7,00	81%
4	Bao nông sản	Triệu bao	2,78	3,45	81%	2,26	123%
5	Mành PP trắng màng	Triệu mét	10,00	13,30	75%	19,70	51%
II	Chỉ tiêu tài chính						
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	817,33	697,00	117%	733,52	111%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20,43	14,90	137%	18,04	113%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18,16	12,86	141%	16,67	109%
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	9,60	12,10	79%	10,73	89%

Công ty hoàn thành tốt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với tổng doanh thu đạt 817,33 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2023 và vượt 17% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 18,16 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2023 và vượt 41% kế hoạch năm.

Ban kiểm soát đã xem xét, kiểm tra các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như các hoạt động khác của Công ty đã được trình bày trung thực, minh bạch và tuân thủ các quy định.

Trong năm 2024, không phát sinh giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; không phát sinh giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

4. Đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động SXKD của Công ty năm 2024 thông qua các chỉ số tài chính:

Stt	Nội dung	Năm 2024	Năm 2023
1	Hệ số thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	2,55	2,38
	Hệ số thanh toán nhanh (Tiền và tương đương tiền/Nợ ngắn hạn)	0,81	0,55
	Hệ số Nợ phải trả/Tổng Tài sản	0,33	0,35
	Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,50	0,54
2	Vòng quay tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	2,79	2,44
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	31,71	27,86
	Số ngày tồn kho ($=365/\text{số vòng quay HTK}$)	12	13
	Vòng quay khoản phải thu (Doanh thu có thuế/Các khoản phải thu BQ)	11,02	7,97
	Kỳ thu tiền trung bình ($=365/\text{số vòng quay khoản phải thu}$)	33	46
3	Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS = LNST/Doanh thu thuần)	2,23%	2,29%
	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA = LNST/Tổng Tài sản BQ)	6,23%	5,60%
	Tỷ suất thu hồi vốn đầu tư (ROE = LNST/Vốn chủ sở hữu BQ)	9,45%	8,72%
	Hệ số bảo toàn vốn (VCSH năm 2024/VCSH năm 2023)	1,00	1,01

- **Chỉ số về khả năng thanh toán:** Hệ số thanh toán hiện hành đạt $2,55 > 1$ thể hiện Công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, hệ số nợ phải trả/tổng tài sản đạt 0,33 ở mức an toàn, Công ty có sức khỏe tài chính tốt.

- **Chỉ số về hiệu suất hoạt động:** Vòng quay tài sản, vòng quay hàng tồn kho và vòng quay các khoản phải thu đều tăng so với năm 2023 (số ngày hàng lưu tại kho và kỳ thu tiền ngắn hơn so với năm 2023), Công ty sử dụng tài sản và quản lý dòng tiền tốt hơn năm 2023.

- **Chỉ số về khả năng sinh lời:** Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ (ROE) đạt 9,45% tăng so với mức 8,72% của năm 2023, và mức 7,14% của năm 2022. Chỉ số này có xu hướng tăng trưởng trong những năm gần đây cho thấy hiệu quả kinh doanh ngày càng cao, khả năng tăng trưởng bền vững. Công ty tối ưu hóa lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông.

V. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Qua quá trình kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát có một số kiến nghị đến Hội đồng quản trị và Ban điều hành như sau:

1. Công tác quản trị, quản lý điều hành: Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ, định biên lao động của Công ty, phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh và Chiến lược phát triển Công ty; tiếp tục rà soát và hoàn thiện các văn bản quản lý nội bộ đảm bảo tính hệ thống và tuân thủ các quy định; chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin .

2. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản: Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, xây dựng danh mục đầu tư theo từng giai đoạn phù hợp với định hướng phát triển Công ty; chủ động lập kế hoạch và phân bổ nguồn vốn cho công tác đầu tư, tận dụng lợi thế về tài chính và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền hiện có của Công ty.

3. Công tác phát triển thị trường, thu hồi công nợ khách hàng: Tập trung nghiên cứu tìm hiểu thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh trong công tác đấu thầu, mở rộng danh mục hàng hóa, dịch vụ và danh sách khách hàng tiềm năng, song song với công tác theo dõi đơn đốc công nợ khách hàng đảm bảo đạt hiệu quả và an toàn tài chính.

4. Công tác quản trị chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí bán hàng và quản lý chung: Tăng cường công tác kiểm soát, quản trị chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác bán hàng và quản lý chung; thực hiện thường xuyên công tác thống kê đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu so với kế hoạch, tiếp tục rà soát và thực hiện các mục tiêu tiết giảm, góp phần nâng cao hiệu quả trong từng lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Trên cơ sở thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, Ban kiểm soát xây dựng Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2025 như sau:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, mức độ cân trọng trong công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành; giám sát việc tuân thủ pháp luật và chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Kiểm tra, giám sát toàn diện các hoạt động của Công ty theo Kế hoạch năm 2025 được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông;
- Kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, thẩm định các báo cáo tài chính quý/bán niên/năm 2025 của Công ty;
- Bám sát với Chương trình làm việc của Hội đồng quản trị trong năm 2025, thực hiện kiểm tra, giám sát theo chuyên đề về: công tác lao động tiền lương và chế độ chính sách cho người lao động, công tác quản lý và vận hành nhà máy sản xuất bao bì, công tác thực hiện các hợp đồng trong kinh doanh thương mại và cung ứng dịch vụ, công tác lập kế hoạch và đầu tư – mua sắm;
- Thực hiện kiểm tra, soát xét định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty chi tiết trong từng lĩnh vực: sản xuất kinh doanh các sản phẩm bao bì, kinh doanh thương mại và kinh doanh dịch vụ; tình hình thực hiện các chỉ tiêu về bán hàng và quản lý Công ty; tình hình quản lý và sử dụng vốn; công tác đầu tư – mua sắm và các hoạt động khác của Công ty; đánh giá tình hình thực hiện so với cùng kỳ năm 2024 và kế hoạch năm 2025;
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ của Công ty trong hoạt động công bố thông tin; báo cáo và trích nộp ngân sách nhà nước, công tác tiền lương và thực hiện các chế độ, phúc lợi cho người lao động;
- Chủ động phối hợp công việc và tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành khi được mời tham dự; thảo luận và đưa ra cảnh báo kịp thời;

- Giám sát tình hình khắc phục, thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước, cấp thẩm quyền; tình hình thực hiện các kiến nghị, khuyến nghị của đơn vị kiểm toán độc lập và của Ban kiểm soát;

- Tham gia học tập, đào tạo bồi dưỡng năng lực công tác của các thành viên Ban kiểm soát, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo hoạt động kiểm tra, giám sát đạt hiệu quả;

- Xem xét, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên/năm của Công ty; thực hiện các công việc trong nội bộ Ban kiểm soát và các công việc khác theo quy định.

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BĐH;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Đỗ Thị Phương Thúy

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ BÌNH SƠN**

Số: /TTr-BKS-BSPPT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/5/2024;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn ban hành tại Quyết định số 05/QĐ-BKS-BSPPT ngày 15/5/2024 của Ban kiểm soát Công ty.

Trên cơ sở xem xét, đánh giá năng lực, kinh nghiệm của các công ty kiểm toán, Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 trong 03 đơn vị sau đây tiến hành các hoạt động soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên/năm 2025 của Công ty:

1. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;
2. Công ty TNHH PwC Việt Nam;
3. Công ty TNHH KPMG.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BĐH;
- NPTQT;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Đỗ Thị Phương Thúy

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ BÌNH SƠN**

Số : /TTr-HĐQT-BSPPT
DỰ THẢO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc kiện toàn Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn
ngày 15/5/2024.*

I. Thực trạng nhân sự của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty

1. Hội đồng quản trị

Ngày **28/4/2021**, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2025 gồm 04 thành viên; trong đó: 03 thành viên là Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR) và 01 thành viên là Người đại diện của nhóm cổ đông cá nhân; cụ thể:

1. Ông **Phạm Tuấn Anh**
2. Bà **Hà Thị Hoa**
3. Ông **Lê Xuân Sơn**
4. Ông **Trần Xuân Thu**

Trên cơ sở Công văn số 4270/BSR-QTNL ngày 06/8/2024 về việc công tác cán bộ, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức lấy ý kiến cổ đông bản văn bản đề thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

Theo đó, **ngày 01/10/2025**; Đại hội đồng cổ đông đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-BSPPT về việc kiện toàn Hội đồng quản trị với nội dung:

1. Cho ông **Phạm Tuấn Anh** thôi tham gia thành viên Hội đồng quản trị
2. Bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị:
 - 2.1 Ông **Mai Tuấn Đạt**
 - 2.2 Ông **Phan Quốc Toàn**

Hội đồng quản trị Công ty sau khi kiện toàn có 05 thành viên:

1. Ông **Mai Tuấn Đạt**, Chủ tịch HĐQT
2. Ông **Phan Quốc Toàn**, Thành viên kiêm Giám đốc Công ty
3. Bà **Hà Thị Hoa**, Thành viên chuyên trách
4. Ông **Lê Xuân Sơn**, Thành viên chuyên trách
5. Ông **Trần Xuân Thu**, Thành viên kiêm nhiệm

2. Ban kiểm soát

Ngày 28/4/2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2025 gồm 03 thành viên; trong đó: 02 thành viên là do Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR) và 01 thành viên là Người đại diện của nhóm cổ đông cá nhân; cụ thể:

1. Ông **Phan Bá Công**
2. Bà **Phạm Thanh Thảo**
3. Bà **Đỗ Thị Phương Thúy**

II. Báo cáo và đề nghị:

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD của Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 28/4/2021 và các văn bản liên quan về công tác cán bộ của các cấp liên quan; các Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát được bầu tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 đã hết nhiệm kỳ; cụ thể:

Hội đồng quản trị:

1. Bà **Hà Thị Hoa**
2. Ông **Lê Xuân Sơn**
3. Ông **Trần Xuân Thu**

Ban kiểm soát:

1. Ông **Phan Bá Công**
2. Bà **Phạm Thanh Thảo**
3. Bà **Đỗ Thị Phương Thúy**

Hội đồng quản trị đã thông báo và đề nghị cổ đông và nhóm cổ đông thực hiện quyền ứng cử/đề cử/giới thiệu nhân sự để bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định (có Thông báo về việc ứng cử/đề cử/giới thiệu vị trí thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn đính kèm).

Cơ sở pháp lý:

Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn ngày 15/5/2024 quy định cụ thể như sau:

Khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty:

“Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp”.

Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty:

“2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị; cụ thể:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 10% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 01 người, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 35% đến dưới 51% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 02 người, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 51% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 03 người, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 65% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 04 người”.

Khoản 1, Điều 27 Điều lệ Công ty:

“1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế...”.

Khoản 1, Điều 41 Điều lệ Công ty:

“1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ này. Các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 51% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 01 người, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 02 người”.

Khoản 1, Điều 42 Điều lệ Công ty:

“1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.”

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét:

1. Tổ chức bầu bổ sung 03 thành viên Hội đồng quản trị từ danh sách nhân sự được cổ đông và nhóm cổ đông ứng cử/đề cử/giới thiệu đúng quy định của Điều lệ Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổ chức bầu Ban kiểm soát từ danh sách nhân sự được cổ đông và nhóm cổ ứng cử/đề cử/giới thiệu đúng quy định của Điều lệ Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

Trân trọng xin ý kiến Đại hội!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ BÌNH SƠN**

Số: /TTr-HĐQT-BSPPT

DỰ THẢO

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc xin thông qua sửa đổi, bổ sung
Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/5/2024.

Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Quý cổ đông xem xét thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:

*(Chi tiết có dự thảo sửa đổi bổ sung
Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm)*

Dự thảo sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật số 03/2022/QH15 và mẫu Điều lệ/Quy chế ban hành tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kính trình Quý cổ đông xem xét, chấp thuận.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Mai Tuấn Đạt

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU
KHÍ BÌNH SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN**

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT và các thành viên HĐQT nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho HĐQT, các thành viên HĐQT.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt

1. “Công ty”: là Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn.
2. “ĐHĐCĐ”: là Đại hội đồng cổ đông Công ty
3. “HĐQT”: Hội đồng quản trị Công ty
4. “KSV”: Là Kiểm soát viên của Công ty.

6. Các từ hoặc thuật ngữ, viết tắt khác không nêu trong Quy định này thì áp dụng theo các quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước, Điều lệ Công ty và quy định nội bộ khác của Công ty.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, kết hợp với sự điều phối của Chủ tịch HĐQT.

2. Các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động quản lý và sự phát triển của Công ty, trừ thành viên HĐQT biểu quyết không tán thành hoặc bảo lưu ý kiến đối với nghị quyết và/hoặc quyết định đó.

3. HĐQT giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Nghị quyết, quyết định của HĐQT có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các Bộ phận và cá nhân trong toàn Công ty.

4. Mọi hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT và bộ máy giúp việc HĐQT phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bảo đảm lợi ích của Công ty.

Điều 4. Nguyên tắc ủy quyền của Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT ủy quyền bằng văn bản cho một trong số các thành viên HĐQT đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt tại Công ty và/hoặc không tham gia xử lý công việc tại Công ty.

2. Trong quá trình thực hiện, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện công việc theo đúng nội dung được ủy quyền, tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT theo đúng các quy định trong Quy chế này và theo phân công của HĐQT và ủy quyền của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực và vì lợi ích của Công ty.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức liên quan;

d) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

e) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Các thành viên HĐQT không điều hành phối hợp giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty và theo quy định pháp luật có liên quan.

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của HĐQT về các vấn đề được phân công.

5. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

6. Nghiên cứu Báo cáo tài chính, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành Công ty, Phòng TCKT giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

7. Triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT.

8. Có trách nhiệm giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.

9. Đề xuất ý kiến, biện pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công việc được phân công và đề xuất giải quyết những công việc khác liên quan đến tổ chức, hoạt động của Công ty.

Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, các Phó Giám đốc, Người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Giám đốc, các Phó Giám đốc, Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. HĐQT có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập.

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

c) Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác;

d) Thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp Công ty có thành viên HĐQT độc lập, tiêu chuẩn thành viên HĐQT độc lập thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020.

Điều 9. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do các thành viên HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT với đa số phiếu; thủ tục bầu, miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan.

2. Chủ tịch HĐQT không đồng thời là Giám đốc.

3. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Triệu tập, chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- b) Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- c) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT và chủ trì phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT thực hiện quản trị hoạt động của Công ty. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên HĐQT sẽ được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
- d) Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc, nhiệm vụ được phân công; chủ trì đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các Tiểu ban, Hội đồng của HĐQT tối thiểu mỗi năm một (01) lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
- e) Tổ chức thực hiện và giám sát quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

f) Thay mặt HĐQT ký các Quyết định tiếp nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chuyển công tác, khen thưởng, kỷ luật và chế độ đãi ngộ với các cổ vấn (nếu có), Người phụ trách quản trị Công ty, Trợ lý/Thư ký Công ty, Lãnh đạo và các cán bộ nhân viên, Người lao động làm việc tại bộ phận tư vấn, tham mưu, giúp việc cho HĐQT và các trường hợp khác theo quy định của HĐQT.

g) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của HĐQT, quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. ĐHCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ Công ty và ĐHĐCĐ quy định; cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty; Chỉ đạo xây dựng và ban hành các văn bản nội bộ về tổ chức, quản trị, điều hành, quản lý và kiểm soát rủi ro... nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được quản lý, kiểm soát đầy đủ, an toàn và đạt hiệu quả cao.

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 15. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 16. Các tiểu ban giúp việc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. HĐQT có thể thành lập các Hội đồng, bộ phận tham mưu, giúp việc trực thuộc Hội đồng quản trị để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể, số lượng và tiêu chuẩn, điều kiện của các thành viên của các Hội đồng, bộ phận tham mưu, giúp việc và cơ chế làm việc do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Ngoài ra, HĐQT sử dụng các Bộ phận thuộc Công ty để thực hiện tham mưu, giúp việc cho HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp (nếu cần thiết) để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT.

Điều 17. Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty

1. Người phụ trách quản trị Công ty: HĐQT bổ nhiệm một (01) người làm Người phụ trách quản trị để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị được quy định tại Quy chế nội bộ về quản Công ty và pháp luật liên quan. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty được quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty. Chi phí hoạt động, tiền lương và phụ cấp (nếu có) của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định; các chi phí này hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty.

2. Thư ký Công ty: Khi xét thấy cần thiết HĐQT quyết định bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm Thư ký Công ty. Vai trò và nhiệm vụ Thư ký Công ty được quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty. Số lượng Thư ký Công ty, chi phí hoạt động, tiền lương và tính chất lương của Thư ký Công ty do HĐQT quyết định; các chi phí này hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Quy định về họp và các hình thức họp của HĐQT

1. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường. Cuộc họp của HĐQT do Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền triệu tập.

2. Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến giữa tất cả hoặc một số thành viên HĐQT đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe thành viên HĐQT tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Thành viên muốn phát biểu, có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;
- c) Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này;
- d) Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như trên được coi là có mặt tại cuộc họp đó;
- e) Địa điểm họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện;
- f) Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp có sự tham dự thông qua phương tiện điện tử sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng sau đó phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

3. Địa điểm họp HĐQT có thể họp tại Trụ sở chính Công ty hoặc ở các nơi khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Cuộc họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì.

Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập HĐQT;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

3. Đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Người có thẩm quyền triệu tập họp HĐQT có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

8. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

11. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì cuộc họp.

12. Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

Điều 20. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản

chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 21. Tiếp nhận và xử lý văn bản đến HĐQT

1. Thư ký Công ty là đầu mối tiếp nhận và đề xuất xử lý văn bản đến HĐQT

a) Không quá 02 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận văn bản đến qua các hình thức thư điện tử, văn bản giấy hoặc hình thức đảm bảo khác, Thư ký Công ty báo cáo Chủ tịch HĐQT và đề xuất hình thức xử lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Đối với Tờ trình, đề nghị/đề xuất của Giám đốc bằng văn bản thông qua thư điện tử, văn bản giấy; Thư ký Công ty kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- Thẩm quyền;
- Tình trạng hồ sơ;
- Đảm bảo tuân thủ quy trình/quy chế của Công ty và quy định pháp luật;
- Tài liệu đính kèm.

b1. Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong vòng không quá 02 ngày Thư ký Công ty phản hồi bằng email cho Ban điều hành để cập nhật/bổ sung thông qua Văn thư Công ty và Phòng đầu mối.

b2. Nếu hồ sơ trình đảm bảo tính hợp lệ, trong vòng không quá 03 ngày Thư ký Công ty dự thảo văn bản trả lời/phê duyệt/chấp thuận và gửi lấy ý kiến thành viên HĐQT qua các hình thức thư điện tử; các thành viên HĐQT có ý kiến góp ý, bổ sung nội dung dự thảo văn bản trả lời/phê duyệt/chấp thuận hoặc ý kiến khác gửi về Thư ký Công ty tổng hợp trong thời gian không quá 02 ngày làm việc.

Thư ký Công ty tổng hợp ý kiến của các thành viên HĐQT để hoàn thiện và trình ký văn bản trả lời/phê duyệt/chấp thuận; trường hợp có ý kiến khác của thành viên HĐQT, Thư ký Công ty báo cáo Chủ tịch HĐQT và đề xuất hình thức xử lý.

2. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT qua thư điện tử có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

Điều 22. Tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản

1. Trên cơ sở đề xuất của Thư ký Công ty, Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản khi xét thấy cần thiết.

2. Thư ký Công ty chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến.

3. Việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản có thể thông qua hình thức gửi thư điện tử đến của từng thành viên HĐQT. Các thành viên HĐQT phải ký vào văn bản xin ý kiến gửi về Thư ký Công ty theo đúng thời gian và nội dung quy định nêu trong Phiếu ý kiến hoặc thư điện tử. Nếu quá thời hạn đề nghị gửi lại mà thành viên nào đó không có ý kiến trả lời thì xem như thành viên đó không tham gia ý kiến, ý kiến trả lời qua thư điện tử có giá trị tương đương với ý kiến được ký bằng văn bản.

4. Căn cứ ý kiến của thành viên HĐQT, Thư ký Công ty hoàn thiện quyết định/ng nghị quyết và trình Chủ tịch HĐQT ký ban hành khi có trên 50% thành viên HĐQT tán thành hoặc lập biên bản và đề xuất Chủ tịch HĐQT tổ chức họp HĐQT khi có nhiều ý kiến khác nhau.

5. Chủ tịch HĐQT, Thư ký Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của kết quả lấy ý kiến; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

7. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, các Phó Giám đốc và/hoặc Bộ phận có liên quan báo cáo bổ sung thông tin, giải trình các vấn đề liên quan đến nội dung xin ý kiến.

8. Trách nhiệm phối hợp của các Bộ phận/cá nhân có liên quan trong công tác xin ý kiến HĐQT bằng văn bản:

a) Trong quá trình triển khai xin ý kiến HĐQT bằng văn bản; trên cơ sở rà soát hồ sơ hoặc theo ý kiến của các thành viên HĐQT, Thư ký Công ty tổng hợp và yêu cầu Bộ phận/cá nhân liên quan cung cấp thông tin, bổ sung tài liệu, báo cáo để làm rõ nội dung xin ý kiến và hoàn thiện hồ sơ xin ý kiến. Bộ phận/cá nhân được yêu cầu có trách nhiệm phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác, toàn vẹn và đầy đủ của các thông tin do mình cung cấp; Việc báo cáo, giải trình phải được lập thành văn bản do cấp thẩm quyền ký báo cáo trình HĐQT.

b) Trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác xin ý kiến HĐQT bằng văn bản, Thư ký Công ty sẽ đề nghị Bộ phận đầu mối gửi các tài liệu trong hồ sơ xin ý kiến dưới dạng file điện tử. Bộ phận gửi file điện tử phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, đồng nhất về nội dung và đồng dạng giữa tài liệu dưới dạng file điện tử với tài liệu giấy trong hồ sơ xin ý kiến.

9. Hồ sơ xin ý kiến HĐQT bằng văn bản được lưu trữ theo quy định về công tác văn thư lưu trữ của Công ty.

Điều 23. Chương trình công tác của HĐQT và thành viên HĐQT

1. Căn cứ mục tiêu, chương trình, kế hoạch, định hướng phát triển hàng năm và trong từng giai đoạn của Công ty, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, nhiệm vụ

và quyền hạn của từng thành viên HĐQT, Thư ký Công ty dự thảo Chương trình công tác HĐQT hàng năm trình HĐQT phê duyệt;

2. Căn cứ Chương trình công tác của HĐQT và chức trách, nhiệm vụ được phân công, từng thành viên HĐQT chủ động lập Chương trình công tác của mình hàng tháng gửi Thư ký Công ty tổng hợp, báo cáo Chủ tịch HĐQT và thông báo đến các thành viên HĐQT để phối hợp thực hiện.

3. Các Tiểu ban giúp việc của HĐQT (nếu có) chủ động xây dựng chương trình làm việc trình HĐQT phê duyệt.

Điều 24. Phân cấp, ủy quyền của HĐQT

Thông qua các quy chế quản lý nội bộ hoặc quyết định cụ thể, HĐQT phân cấp, ủy quyền cho Giám đốc các hạn mức trong việc thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động SXKD, công việc của Công ty. Việc phân cấp, ủy quyền được thể hiện bằng biểu quyết của các thành viên HĐQT, trên cơ sở xét đề nghị của Giám đốc hoặc trong những trường hợp HĐQT thấy cần thiết.

Chương V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 25. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 27. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Nguyên tắc phối hợp

HĐQT, thành viên HĐQT phối hợp trong quan hệ công việc theo

nguyên tắc sau đây:

1. Luôn trung thành vì lợi ích của Công ty và cổ đông;
2. Tuân thủ nghiêm túc các Quy định hiện hành có liên quan của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty;
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch;
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, cẩn trọng, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có) vì lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

Điều 29. Mỗi quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 30. Mỗi quan hệ với Giám đốc/Ban điều hành

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết/quyết định để Giám đốc và Ban điều hành thực hiện; đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát, đôn đốc Ban điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết/quyết định/chủ trương của ĐHCĐ và HĐQT; cụ thể:

1. Ban điều hành có trách nhiệm thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty thì Giám đốc/Ban điều hành có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên ĐHCĐ hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

2. Khi Giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hàng tháng, quý, năm Giám đốc báo cáo bằng văn bản hoặc chỉ đạo Bộ phận liên quan gửi báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty cho HĐQT. Trong trường hợp đặc biệt, Giám đốc có thể báo cáo nhanh HĐQT về các vấn đề cấp bách cần giải quyết hoặc chưa có trong chương trình công tác của HĐQT.

3. Giám đốc đầu mối chỉ đạo, quản lý, phối hợp xử lý, theo dõi các thông tin gửi đến Người đại diện vốn, HĐQT, các nội dung, công việc ngoài hoặc trên thẩm

quyền của Giám đốc và hỗ trợ, đơn đốc Bộ phận liên quan xử lý các thông tin, công việc đạt tiến độ, yêu cầu, tránh bỏ sót hoặc chậm tiến độ công việc.

4. Các thông tin, công văn, tài liệu giao dịch gửi đến cho HĐQT, sau khi vào sổ theo dõi, phải được chuyển cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để xử lý. Những thông tin, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên gửi đến Công ty đến Công ty có nội dung liên quan đến công tác quản lý phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để phối hợp xử lý.

5. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT/Người phụ trách quản trị Công ty tham dự các cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác do Giám đốc chủ trì.

6. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung để quyết định mời các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, cấp Trưởng phòng và các cá nhân có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu cần).

7. Ban điều hành và người quản lý khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

8. Trong trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban Điều hành và người quản lý Công ty phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc, lĩnh vực đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Điều 31. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mọi quan hệ giữa HĐQT và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 32. Mọi quan hệ với tổ chức Đảng và các đoàn thể chính trị - xã hội trong Công ty

1. Cấp ủy chỉ đạo và phối hợp với HĐQT trong việc lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các mặt hoạt động của Công ty.

2. HĐQT tạo điều kiện để tổ chức Đảng và các đoàn thể chính trị - xã hội trong Công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng, điều lệ của các đoàn thể và pháp luật liên quan.

Điều 33. Mọi quan hệ với cổ đông

1. HĐQT bảo đảm thực hiện quan hệ thường xuyên với các cổ đông của Công ty thể hiện bằng việc công bố các tài liệu, thông tin, báo cáo tài chính định kỳ và bất thường theo quy định của Điều lệ Công ty, pháp luật hiện hành, và cung cấp những thông tin quan trọng về hoạt động của Công ty.

2. HĐQT có trách nhiệm bảo đảm tính minh bạch trong quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với các cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty.

3. HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo xử lý kịp thời và công khai các kiến nghị, khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty bao gồm 7 chương, 34 điều được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn năm 2024 thông qua ngày/.../2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng quản trị ký Quyết định ban hành.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được ĐHĐCĐ thông qua.

2. Các nội dung khác không quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.

3. Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty về cùng một vấn đề thì các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị sẽ được ưu tiên áp dụng.

4. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan chưa được nêu, đề cập trong Quy chế này hoặc những quy định mới của pháp luật, cấp thẩm quyền có liên quan khác với những nội dung trong Quy chế này thì những quy định đó được áp dụng, điều chỉnh Quy chế này./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ BÌNH SƠN**
Số: /TTr-HĐQT-BSPPT
DỰ THẢO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc xin chấp thuận bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn;

Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc tại Tờ trình số 41/TTr-BSPPT ngày 31/10/2024 về việc xin phê duyệt bổ sung, sửa đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty.

Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình và xin ý kiến phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2025 về việc chấp thuận bổ sung, sửa đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty chi tiết như các Phụ lục đính kèm.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình và xin ý kiến Đại hội.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Mai Tuấn Đạt

PHỤ LỤC I: BỔ SUNG NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-HĐQT-BSPPT ngày /4/2025)

Stt	Tên ngành được bổ sung	Mã ngành
1	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
2	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
3	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
6	Vận tải đường ống	4940
7	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
8	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
10	Bốc xếp hàng hóa	5224
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
12	Cổng thông tin Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử	6312
13	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm	6622
14	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông; - Giám sát lắp đặt thiết bị điện công trình (hệ thống điện); - Khảo sát địa hình công trình xây dựng; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; - Thiết kế kết cấu công trình giao thông; - Thiết kế kỹ thuật thi công cơ khí, máy móc và thiết bị; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.	7110
15	Quảng cáo	7310
16	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết:	7490

Stt	Tên ngành được bổ sung	Mã ngành
	- Dịch vụ kỹ thuật; - Hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị kỹ thuật.	

PHỤ LỤC II: SỬA ĐỔI CHI TIẾT MÃ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-HĐQT-BSPPT ngày /4/2025)

Stt	Tên ngành được sửa đổi chi tiết	Mã ngành
1	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê xe đạp; - Thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác; - Cho thuê xe đầu kéo container, xe cơ giới và thiết bị - phụ tùng xe, xe gắn máy; - Cho thuê hệ thống thiết bị pha chế xăng dầu; - Cho thuê thiết bị phòng thử nghiệm, thiết bị đo lường, điều khiển; - Cho thuê thiết bị máy móc công nghiệp, thiết bị xây dựng.	7730
2	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) và khí thiên nhiên nén (CNG); - Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm dầu khí; - Kinh doanh khí Argon, Nitơ, Oxy, Hydro, CO ₂ , Acetylen...	4661
4	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Mua, bán bã sắn - Mua, bán tro bay - Mua, bán xỉ than - Mua, bán xơ sợi - Mua, bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Mua, bán hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Mua, bán hạt nhựa - Mua, bán tủ kệ sắt các loại - Mua, bán các loại bao bì sản xuất từ nhựa tổng hợp - Mua, bán nguyên vật liệu dùng cho sản xuất và in bao bì các loại (chất dẻo nguyên sinh, bột giấy, giấy)	4669
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229

Stt	Tên ngành được sửa đổi chi tiết	Mã ngành
	Chi tiết: - Đại lý bán vé máy bay - Kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ hàng hải khác - Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan - Kinh doanh vận tải đa phương thức trong nước và quốc tế - Dịch vụ cân, hậu cần logistics - Cung cấp dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu	
6	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở - Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở - Cho thuê kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu	6810
7	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu	2029

PHỤ LỤC III: NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY
(Sau khi sửa đổi bổ sung)

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
2	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ	1629
3	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
4	In ấn Chi tiết: In ấn trên sản phẩm bao bì	1811
5	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu	2029
6	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220 (Chính)
7	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
8	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
9	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
10	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
11	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
12	Sửa chữa thiết bị điện	3314
13	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
14	Sửa chữa thiết bị khác	3319
15	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
16	Thu gom rác thải không độc hại	3811
17	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
18	Xây dựng nhà để ở	4101
19	Xây dựng nhà không để ở	4102
20	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng, duy tu, tôn tạo, tu bổ di tích và các công trình văn hóa - Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật - Xây dựng công trình dân dụng - Xây dựng công trình công nghiệp	4299
21	Lắp đặt hệ thống điện	4321
22	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
23	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
24	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình	4330
25	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
26	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
27	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
28	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu	4620

Stt	Tên ngành	Mã ngành
29	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
30	Bán buôn thực phẩm	4632
31	Bán buôn đồ uống	4633
32	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
33	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
34	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) và khí thiên nhiên nén (CNG); - Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm dầu khí; - Kinh doanh khí Argon, Nitơ, Oxy, Hydro, CO ₂ , Acetylen...	4661
35	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
36	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua, bán bã sắn - Mua, bán tro bay - Mua, bán xỉ than - Mua, bán xơ sợi - Mua, bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Mua, bán hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Mua, bán hạt nhựa - Mua, bán tủ kệ sắt các loại - Mua, bán các loại bao bì sản xuất từ nhựa tổng hợp - Mua, bán nguyên vật liệu dùng cho sản xuất và in bao bì các loại (chất dẻo nguyên sinh, bột giấy, giấy)	4669
37	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
38	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
39	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
40	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
41	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
42	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
43	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
44	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
45	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách	4932
46	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
47	Vận tải đường ống	4940
48	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
49	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
50	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
51	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
52	Bốc xếp hàng hóa	5224

Stt	Tên ngành	Mã ngành
53	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
54	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Đại lý bán vé máy bay; - Kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ hàng hải khác; - Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Kinh doanh vận tải đa phương thức trong nước và quốc tế; - Dịch vụ cân, hậu cần logistics; - Cung cấp dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu.	5229
55	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
56	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
57	Cổng thông tin Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử	6312
58	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm	6622
59	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở - Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở - Cho thuê kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu	6810
60	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Quản lý vận hành nhà chung cư	6820
61	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông; - Giám sát lắp đặt thiết bị điện công trình (hệ thống điện); - Khảo sát địa hình công trình xây dựng; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; - Thiết kế kết cấu công trình giao thông; - Thiết kế kỹ thuật thi công cơ khí, máy móc và thiết bị - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	7110
62	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
63	Quảng cáo	7310
64	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ kỹ thuật; - Hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị kỹ thuật.	7490
65	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô	7710
66	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê xe đạp; - Thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác;	7730

Stt	Tên ngành	Mã ngành
	<ul style="list-style-type: none"> - Cho thuê xe đầu kéo container, xe cơ giới và thiết bị - phụ tùng xe, xe gắn máy; - Cho thuê hệ thống thiết bị pha chế xăng dầu; - Cho thuê thiết bị phòng thử nghiệm, thiết bị đo lường, điều khiển; - Cho thuê thiết bị máy móc công nghiệp, thiết bị xây dựng. 	
67	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cung ứng lao động theo nhu cầu của người sử dụng lao động	7820
68	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cho thuê lao động	7830
69	Đại lý du lịch	7911
70	Điều hành tua du lịch	7912
71	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
72	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
73	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
74	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, khu nhà ở. Dịch vụ xử lý côn trùng và động vật gây hại: ruồi, muỗi, kiến, ong, gián, chuột, rắn, mối mọt, sâu hại; phòng chống các dịch bệnh gây hại cho con người tại các địa điểm. Dịch vụ diệt trừ mối cho các công trình xây dựng, đê đập, khách sạn, nhà hàng, văn phòng cơ quan và nhà ở.	8130
75	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
76	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
77	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; - Ủy thác và nhận sự ủy thác của xuất, nhập khẩu về hàng hóa. 	8299
78	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tennis, cầu lông, bóng bàn, bida, bể bơi nước nóng, nước lạnh, thể dục thẩm mỹ, thể hình, vui chơi mặt nước và các trò chơi khác trong công viên, sân bãi, bơi thuyền, công viên nước, câu cá giải trí... (không bao gồm hoạt động vũ trường, sân nhảy)	9329
79	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ BÌNH SƠN**

Số: /TTr-HĐQT-BSPPT

DỰ THẢO

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc xin chấp thuận ký kết hợp đồng, giao dịch
với Người có liên quan**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/5/2024;

Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc tại Tờ trình số 45/TTr-BSPPT ngày 12/11/2024 và Tờ trình số 03/TTr-BSPPT ngày 15/01/2025 về việc báo cáo xin chủ chấp thuận ký kết Hợp đồng với người có liên quan.

Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Quý cổ đông Công ty xem xét chấp thuận việc ký kết Hợp đồng giao dịch: Cung cấp bao đóng gói hạt nhựa Polypropylen theo “Đơn hàng số 578/1100002680/ĐH-ĐDSX-QLHSVH Mua bao đóng gói hạt nhựa Polypropylen để sử dụng tại phân xưởng PP”; Hợp đồng mua bán sản phẩm Polypropylene Dung Quất 6 tháng đầu năm 2025 số 1673/BSR-BSPPT ngày 31/12/2025; Hợp đồng bao tiêu sản phẩm khí dầu mỏ Hoá lỏng LPG Dung Quất giai đoạn từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 số 51/BSR-BSPPT ngày 09/01/2025 với Người có liên quan (Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn - Công ty mẹ), chi tiết như Phụ lục đính kèm.

Kính trình Quý cổ đông xem xét, chấp thuận.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Mai Tuấn Đạt

PHỤ LỤC: NỘI DUNG CHỦ YẾU, GIÁ TRỊ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-HĐQT-BSPPT ngày /3/2025)

TT	Nội dung trích yếu Hợp đồng	Tổng giá trị Hợp đồng dự kiến (VNĐ)	Thời hạn thực hiện Hợp đồng	Hình thức thực hiện	Ghi chú
1	Cung cấp bao đóng gói hạt nhựa Polypropylen theo “Đơn hàng số 578/1100002680/ĐH-ĐDSX-QLHSVH Mua bao đóng gói hạt nhựa Polypropylen để sử dụng tại phân xưởng PP”	250.000.000.000	Từ tháng 03/2025 đến tháng 02/2028	Theo đơn giá	TTr số 45/TTr-BSPPT ngày 12/11/2024
2	Hợp đồng mua bán sản phẩm Polypropylene Dung Quất 6 tháng đầu năm 2025 số 1673/BSR-BSPPT ngày 31/12/2025	500.000.000.000	Từ tháng 01/2025 đến hết tháng 6/2025	Theo công thức giá	TTr số 03/TTr-BSPPT ngày 15/01/2025
3	Hợp đồng bao tiêu sản phẩm khí dầu mỏ Hoá lỏng LPG Dung Quất giai đoạn từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 số 51/BSR-BSPPT ngày 09/01/2025	120.000.000.000	Từ tháng 01/2025 đến hết tháng 12/2025	Theo công thức giá	TTr số 03/TTr-BSPPT ngày 15/01/2025

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/5/2025;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn ngày 24 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, Kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025; Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024 và các Tờ trình đề xuất của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; với các nội dung chính như sau:

1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu cơ bản

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ hoàn thành KH
I	Chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	697,0	817,3	117%
2	Tổng chi phí (chưa lương)	tỷ đồng	682,1	796,9	117%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	14,9	20,4	137%
4	Nộp ngân sách nhà nước	tỷ đồng	12,1	9,6	80%

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ hoàn thành KH
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	12,9	18,2	141%
II	Chỉ tiêu lao động tiền lương				
1	Lao động bình quân	người	305	296	97%
2	Năng suất lao động bình quân theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương	triệu đồng/ng/tháng	11,6	16,0	139%
3	Tiền lương bình quân	triệu đồng/ng/tháng	6,7	9,2	139%
4	Quỹ lương người lao động	triệu đồng	24.413	32.820	134%
III	Chỉ tiêu về đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị	tỷ đồng	9,48	0	0%

1.2 Kế hoạch SXKD năm 2025

a) Nhiệm vụ kế hoạch

- Bám sát các nội dung, định hướng phát triển Công ty theo chỉ đạo của BSR và tình hình thực tế thị trường để triển khai. Bên cạnh đó, Công ty cần nhận diện những rủi ro, thách thức để xây dựng kịch bản ứng phó, đồng thời tìm kiếm động lực mới tăng trưởng cho các mảng sản xuất, kinh doanh, tận dụng cơ hội, triển khai đồng bộ các giải pháp. Tiến hành đổi mới tổ chức bộ máy và tái cơ cấu BSPPT theo hướng tinh gọn, nâng cao năng suất lao động là nhiệm vụ quan trọng tạo đà tăng trưởng cho năm 2025 và những năm tiếp theo.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

- Tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức, tinh gọn bộ máy điều hành nhằm tập trung trong quản lý, linh hoạt trong điều hành tổ chức sản xuất, tối ưu sử dụng chi phí và khai thác nguồn nhân lực, tăng hiệu quả, năng suất lao động; tập trung xác định định biên lao động các bộ phận phù hợp với cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ làm cơ sở pháp lý sắp xếp lực lượng lao động hợp lý, hiệu quả;

- Chỉ đạo, phối hợp và giám sát Ban điều hành thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ sau:

b) Chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2025

Chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	817,3	1.237

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	796,9	1218,9
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20,4	18,1
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18,2	15,7
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	9,6	12,6
6	Đầu tư mua sắm	Tỷ đồng	0	48,83
7	Lao động BQ	Người	296	300
8	NSLĐBQ tính theo DT trừ chi phí chưa lương	Triệu đồng/người/tháng	15,99	14,05
9	Tiền lương bình quân NLĐ	Triệu đồng/người/tháng	9,24	8,13

Chỉ tiêu về đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2025	Ghi chú
1	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	48,83	
1.1	Đầu tư XDCB:	Tỷ đồng	5,00	
+	<i>Cải tạo khu nhà LK 231 đến LK 234 và LK 241 thành văn phòng làm việc của BSPPT</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>5,00</i>	
1.2	Mua sắm TTB và TSCĐ	Tỷ đồng	43,83	
+	<i>Mua sắm 08 xe ô tô 47 chỗ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>27,00</i>	
+	<i>Mua sắm 06 xe ô tô 7 chỗ + 02 xe 16 chỗ + 04 xe 29 chỗ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>16,83</i>	
2	Nguồn vốn	Tỷ đồng	48,83	
2.1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	48,83	
2.2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-	
3	Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	48,83	
3.1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	48,83	

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2025	Ghi chú
3.2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-	

1.3 Phê duyệt tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2024:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Bộ phận	Thực hiện năm 2024		Ghi chú
		Số người bình quân	Số tiền (đồng)	
I.	Hội đồng quản trị	4,40	1.640.126.206	
1	Chủ tịch (không chuyên trách)	1,00	104.231.683	
2	Thành viên kiêm Giám đốc	1,00	553.128.224	
3	Thành viên	2,00	948.219.814	
4	Thành viên (không chuyên trách)	0,40	34.546.485	
II.	Ban kiểm soát	3,00	583.649.752	
1	Trưởng ban	1,00	284.465.944	
2	Thành viên	1,00	252.858.616	
3	Thành viên (không chuyên trách)	1,00	46.325.192	
III.	Ban Giám đốc	3,00	1.343.311.402	
1	Phó Giám đốc	2,00	948.219.814	
2	Kế toán trưởng	1,00	395.091.588	

1.4 Phê duyệt Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2024:

Đơn vị tính: Đồng

Lợi nhuận sau thuế		18.161.066.967
1. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3,0 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động)		8.188.674.187
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý)		422.748.000
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ và thưởng hoàn thành nhiệm vụ (chia cổ tức cho các cổ đông)		9.549.644.780
-	Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn: 83,26%	7.951.159.780
-	Khách sạn Cẩm Thành: 3,14%	299.750.000

-	Nhóm cổ đông cá nhân: 13,6%	1.298.735.000
---	-----------------------------	---------------

* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 5,45%

1.5 Thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2025:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Số lượng (người)	Số tiền (triệu đồng)	Ghi chú
1	Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách	8,00	2.996,64	
2	Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách	2,00	205,06	

1.6 Kế hoạch phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2025:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế	15.700,00
1. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi <i>(2,0 tháng tiền lương bình quân kế hoạch của người lao động)</i>	4.877,43
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ cho người quản lý <i>(1,0 tháng tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý)</i>	266,81
3. Lợi nhuận chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ vốn góp <i>(Lợi nhuận còn lại sau khi đã trích lập các quỹ)</i>	10.555,76

* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 6,02%

1.7 Thông qua Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty (có Tờ trình của Ban kiểm soát kèm theo);

1.8 Thông qua kết quả kiện toàn bổ sung Hội đồng quản trị và bầu Ban kiểm soát:

1.8.1 Bầu bổ sung 03 thành viên Hội đồng quản trị:

- Ông/Bà – Người đại diện phần vốn của tại BSPPT được đề cử/giới thiệu

- Ông/Bà – Người đại diện phần vốn của tại BSPPT được đề cử/giới thiệu

- Ông/Bà – Người đại diện phần vốn của tại BSPPT được đề cử/giới thiệu

1.8. 2 Bầu 03 thành viên Ban Kiểm soát:

- Ông/Bà – Người đại diện phần vốn của tại BSPPT được đề cử/giới thiệu

- Ông/Bà – Người đại diện phần vốn của tại BSPPT được đề cử/giới thiệu

- Ông/Bà – Người đại diện phần vốn của tại BSPPT được đề cử/giới thiệu

1.9 Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (có Tờ trình kèm theo);

1.10 Thông qua nội dung sửa đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty (có Tờ trình kèm theo);

1.11 Chấp thuận việc ký kết hợp đồng với người có liên quan (có Tờ trình kèm theo).

Điều 2. Nghị quyết này được thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 với phiếu tán thành, đạt tỷ lệ% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; tương đương% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Các ông/bà Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc, Trưởng cấp phòng Công ty, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Như Điều 2;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Mai Tuấn Đạt